

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

**Sinh viên : Nguyễn Thị Phương Quý
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Nguyễn Đức Kiên**

HẢI PHÒNG - 2015

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU CHI PHÍ
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG HÀ
THỊNH PHÁT**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Nguyễn Thị Phương Quý
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Nguyễn Đức Kiên**

HẢI PHÒNG – 2015

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Thị Phương Quý Mã SV: 1112401192

Lớp: QT1505K Ngành: Kế toán - kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Hà Thịnh Phát

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: **Nguyễn Đức Kiên.**

Học hàm, học vị: **Thạc sĩ.**

Cơ quan công tác: **Trường Đại học dân lập Hải Phòng.**

Nội dung hướng dẫn: **Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Hà Thịnh Phát**

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 25 tháng 04 năm 2015.

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 06 tháng 07 năm 2015.

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN
Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN
Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng năm 2015

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT Trần Hữu Nghị

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

- Có tinh thần và thái độ nghiêm túc trong quá trình làm tốt nghiệp
- Hoàn thành đúng thời gian quy định

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

Khóa luận có kết cấu khoa học và hợp lý, được chia thành 3 chương :

- Chương 1 : Một số vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức kế toán hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại các doanh nghiệp trong doanh nghiệp. Tác giả đã thu thập, tổng hợp và khái quát những vấn đề lí luận chung liên quan đến phạm vi nghiên cứu của đề tài một cách rõ ràng, chi tiết và khoa học.
- Chương 2 : Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH THương mại và Xây dựng Hà Thịnh Phát. Tác giả trình bày tương đối khoa học về hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại đơn vị theo hình thức Nhật Ký Chung. Bảng lương, bảng chấm công, các ví dụ số liệu minh họa tháng 9 năm 2014 đều được dẫn dắt từ chứng từ cho đến sổ sách tương đối logic và hợp lý.
- Chương 3 : Một số biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Hà Thịnh Phát : tác giả đã đưa ra một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán theo đề tài nghiên cứu. Các ý kiến đưa ra đều có cơ sở khoa học, và hợp lý.

2. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

Bằng số Bằng chữ.....

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2015

Cán bộ hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

MỤC LỤC

MỤC LỤC

DANH MỤC SƠ ĐỒ

DANH MỤC BẢNG BIỂU

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

LỜI CẢM ƠN

LỜI MỞ ĐẦU 1

CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG CÁC DOANH NGHIỆP 3

1.1.Nội dung của các chỉ tiêu cơ bản liên quan đến doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp..... 3

1.2.Điều kiện ghi nhận doanh thu 4

1.3.Nguyên tắc kế toán doanh thu..... 5

1.4.Nhiệm vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh 6

1.5.Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động sản xuất - kinh doanh6

1.5.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ 6

1.5.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu 10

1.5.3. Kế toán giá vốn hàng bán..... 14

1.5.4. Kế toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp 17

1.5.5. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TK 821) 20

1.5.6. Kế toán kết quả hoạt động sản xuất – kinh doanh..... 22

1.6.Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động tài chính..... 23

1.7.Nội dung kế toán thu nhập, chi phí và kết quả hoạt động khác 25

1.8.Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp.....29

1.9.Đặc điểm kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh theo các hình thức kế toán.....30

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG HÀ THỊNH PHÁT 33

2.1.Đặc điểm chung ảnh hưởng đến công tác hạch toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Hà Thịnh Phát ... 33

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Hà Thịnh Phát	33
2.1.2. Đặc điểm hàng hóa tại công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Hà Thịnh Phát.....	35
2.1.3. Đối tượng, kỳ hạch toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Hà Thịnh Phát.....	35
2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Hà Thịnh Phát	35
2.1.5. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Hà Thịnh Phát.....	37
2.1.5.1. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán của công ty	37
2.1.5.2. Chế độ kế toán áp dụng.....	38
2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Hà Thịnh Phát.....	39
2.2.1. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	39
2.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	39
2.2.1.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Hà Thịnh Phát.....	48
2.2.1.3. Kế toán tập hợp chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	54
2.2.2. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Hà Thịnh Phát.....	64
2.2.2.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.....	64
2.2.3. Tổng hợp thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Hà Thịnh Phát.....	68
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG HÀ THỊNH PHÁT.....	78
3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh nói riêng tại Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Hà Thịnh Phát.....	78
3.1.1. Ưu điểm.....	78
3.1.2. Hạn chế.....	79
3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh.....	79

3.3. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Hà Thịnh Phát.....	80
3.4. Nội dung và giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Hà Thịnh Phát ..	81
3.4.1. Kiến nghị 1: Về việc áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán	81
3.4.2. Kiến nghị 2: Về việc ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác kế toán	83
3.4.3. Kiến nghị 3: Về sổ chi tiết phục vụ hạch toán doanh thu – chi phí và phân bổ chi phí để xác định kết quả kinh doanh chi tiết.....	85
3.5.Điều kiện để thực hiện các giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Hà Thịnh Phát.....	87
3.5.1. Về phía nhà nước	87
3.5.2. Về phía doanh nghiệp.....	87
KẾT LUẬN	88
TÀI LIỆU THAM KHẢO	89

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Kế toán bán hàng trực tiếp	9
Sơ đồ 1.2: Kế toán bán hàng thông qua đại lý.....	9
Sơ đồ 1.3: Kế toán bán hàng theo phương thức trả chậm (hoặc trả góp)	10
Sơ đồ 1.4: Kế toán khoản chiết khấu thương mại	11
Sơ đồ 1.5: Kế toán hàng bán đi bị trả lại.....	12
Sơ đồ 1.6: Kế toán giảm giá hàng bán.....	12
Sơ đồ 1.7: Kế toán giá vốn hàng bán.....	16
Sơ đồ 1.8: Kế toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp.....	19
Sơ đồ 1.9: Kế toán chi phí thuê thu nhập doanh nghiệp hiện hành.....	20
Sơ đồ 1.10: Kế toán chi phí thuê thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.....	21
Sơ đồ 1.11: Kế toán xác định kết quả kinh doanh	22
Sơ đồ 1.12: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính	24
Sơ đồ 1.13: Kế toán chi phí tài chính	25
Sơ đồ 1.14: Kế toán thu nhập khác.	27
Sơ đồ 1.15: Kế toán chi phí khác	28
Sơ đồ 1.16: Kế toán tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	29
Sơ đồ 1.17: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu – chi phí theo hình thức kế toán Nhật ký chung.....	30
Sơ đồ 1.18: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu – chi phí theo hình thức kế toán Nhật ký-Sổ cái	30
Sơ đồ 1.19: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu – chi phí theo hình thức kế toán Chứng từ - ghi sổ	31
Sơ đồ 1.20: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu – chi phí theo hình thức kế toán Nhật ký-Chứng từ.....	32
Sơ đồ 1.21: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy tính	32
Sơ đồ 2.1: Cơ cấu tổ chức của công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Hà Thịnh Phát.....	36
Sơ đồ 2.2: Mô hình tổ chức bộ máy kế toán của công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Hà Thịnh Phát	37

DANH MỤC BẢNG BIỂU

BIỂU SỐ 2.1: Số liệu minh chứng cho sự phát triển 2 năm gần đây	34
BIỂU SỐ 2.2:Hóa đơn GTGT số0000022	41
BIỂU SỐ 2.3: Hóa đơn GTGT số 0000024	42
BIỂU SỐ 2.4:Giấy báo có số 98	43
BIỂU SỐ 2.5: Hóa đơn GTGT số 0000026	44
BIỂU SỐ 2.6:Sổ Nhật ký chung	46
BIỂU SỐ 2.7:Trích Sổ cái TK 511	47
BIỂU SỐ 2.8:Thẻ tính giá thành công trình lắp đặt nhà kho lần 1	49
BIỂU SỐ 2.9: Thẻ tính giá thành công trình lắp đặt nhà kho lần 2	50
BIỂU SỐ: 2.10: Thẻ tính giá thành công trình lắp đặt giá đỡ băng chuyền	51
BIỂU SỐ 2.11:Sổ Nhật ký chung	52
BIỂU SỐ 2.12:Sổ cái TK 632	53
BIỂU SỐ 2.14:Hóa đơn GTGT số 2078485	57
BIỂU SỐ 2.15:Căn cứ Hóa đơn GTGT số 2078485 (biểu 2.14), Kế toán lập Phiếu chi số 18 như biểu 2.15 để thanh toán tiền cho nhà cung cấp.	58
BIỂU SỐ 2.16:Trích Bảng phân bổ lương và các khoản trích theo lương.....	59
BIỂU SỐ 2.17: Trích Sổ nhật ký chung.....	61
BIỂU SỐ 2.18:Sổ cái TK 641	62
BIỂU SỐ 2.19:Sổ cái TK 642	63
BIỂU SỐ 2.20:Giấy báo có số 112	65
BIỂU SỐ 2.21:Trích sổ nhật ký chung	66
BIỂU SỐ 2.22:Sổ cái TK 515	67
BIỂU SỐ 2.23:Phiếu kế toán số 38	69
BIỂU SỐ 2.24:Phiếu kế toán số 39	69
BIỂU SỐ 2.25:Phiếu kế toán số 40	70
BIỂU SỐ 2.26:Phiếu kế toán số 41	70
BIỂU SỐ 2.27:Phiếu kế toán số 42	71
BIỂU SỐ 2.28: Trích Sổ nhật ký chung.....	72
BIỂU SỐ 2.29:Sổ cái TK 911	73
BIỂU SỐ 2.30:Sổ cái TK 821	74
BIỂU SỐ 2.31:Sổ cái TK 421	75
BIỂU SỐ 2.32:Bảng cân đối số phát sinh	76
BIỂU SỐ 2.33: Bảng Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.....	77
BIỂU SỐ 3.1: Tỷ lệ chiết khấu thanh toán được áp dụng.....	82
BIỂU SỐ 3.1:Mẫu sổ chi phí sản xuất kinh doanh	86

DANH MỤC VIẾT TẮT

STT	Ký hiệu viết tắt	Tên ký hiệu
1	BHTN	Bảo hiểm thất nghiệp
2	BHXH	Bảo hiểm xã hội
3	BHYT	Bảo hiểm y tế
4	BPBKH	Bảng phân bổ khấu hao
5	BPBL	Bảng phân bổ lương
6	CKTT	Chiết khấu thanh toán
7	CPDDĐK	Chi phí dở dang đầu kỳ
8	DN	Doanh nghiệp
9	DV	Dịch vụ
10	GTGT	Giá trị gia tăng
11	HĐ	Hóa đơn
12	HĐKT	Hợp đồng kinh tế
13	K/c	Kết chuyển
14	KD	Kinh doanh
15	KH	Khấu hao
16	KPCĐ	Kinh phí công đoàn
17	PC	Phiếu chi
18	SH	Số hiệu
19	SPS	Số phát sinh
20	TK	Tài khoản
21	TKĐƯ	Tài khoản đối ứng
22	TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
23	TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
24	TSCĐ	Tài sản cố định
25	TTĐB	Tiêu thụ đặc biệt

LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành đề tài khóa luận này, em xin gửi tới lời cảm ơn chân thành và sâu sắc nhất đến:

Các thầy giáo, cô giáo của trường Đại học Dân Lập Hải Phòng – những người đã cho em những kiến thức không chỉ về lý thuyết mà còn tận tình chỉ bảo nhiều kinh nghiệm thực tế để em hoàn thành thật tốt đề tài khóa luận này.

Thầy giáo Ths. Nguyễn Đức Kiên đã hết lòng hỗ trợ, tận tình giúp đỡ em từ việc chọn đề tài đến cách tiếp cận thực tiễn tại đơn vị thực tập và hoàn thành bài khóa luận này.

Ban lãnh đạo công ty, các cô chú, anh chị làm việc tại Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Hà Thịnh Phát, đặc biệt là phòng kế toán đã giúp em hiểu được về công tác kế toán nói chung, công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng. Quá trình thực tập này đã cung cấp cho em nhiều kinh nghiệm và kỹ năng vô cùng quý báu và cần thiết cho một kế toán tương lai.

Với niềm tin về tương lai, sự nỗ lực học tập không ngừng của bản thân cùng với những kiến thức, sự giúp đỡ nhiệt tình của thầy giáo hướng dẫn **Ths. Nguyễn Đức Kiên**, các thầy cô, anh chị khóa kế toán đi trước, em xin hứa sẽ cố gắng trở thành một kế toán viên giỏi và có những bước đi phát triển hơn nữa cho nghề nghiệp mà mình đã chọn, để tự hào vào bảng thành tích chung của sinh viên Đại học Dân Lập Hải Phòng.

Cuối cùng, em xin kính chúc các thầy cô giáo, các cô các bác, các anh chị làm việc tại Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Hà Thịnh Phát dồi dào sức khỏe và công tác tốt, thành công và hạnh phúc trong cuộc sống.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày 02 tháng 07 năm 2015

Sinh viên

Nguyễn Thị Phương Quý

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, các doanh nghiệp luôn hướng tới mục tiêu tối đa hóa doanh thu – tối thiểu hóa chi phí. Nhưng để làm được điều đó, các doanh nghiệp phải luôn cố gắng trong quá trình quản lý, tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, việc quản lý doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là vấn đề rất quan trọng, nó góp phần cho sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Tuy nhiên đây không phải là nhiệm vụ dễ dàng, nhất là khi thực tế các hoạt động kinh tế diễn ra ngày càng phức tạp. Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề trên, trong thời gian thực tập tại Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Hà Thịnh Phát em đã mạnh dạn đi sâu nghiên cứu đề tài “ **Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại và Xây dựng Hà Thịnh Phát**”.

2. Mục đích nghiên cứu đề tài

- Hệ thống hóa lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
- Mô tả và phân tích được thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Hà Thịnh Phát.
- Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Hà Thịnh Phát.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài

- Đối tượng nghiên cứu : Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Hà Thịnh Phát.
- Phạm vi nghiên cứu : Tại Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Hà Thịnh Phát.

4. Phương pháp nghiên cứu

- Các phương pháp kế toán
- Phương pháp thống kê và so sánh
- Phương pháp nghiên cứu tài liệu

5. Kết cấu của khóa luận

CHƯƠNG 1: *Lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp.*

CHƯƠNG 2: *Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Hà Thịnh Phát.*

CHƯƠNG 3: *Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Hà Thịnh Phát.*

CHƯƠNG 1:**LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG CÁC DOANH NGHIỆP****1.1. Nội dung của các chỉ tiêu cơ bản liên quan đến doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp**

Bán hàng: Là giai đoạn cuối cùng của quá trình tiêu thụ sản phẩm, nó là quá trình chuyển đổi từ hình thái hiện vật sang hình thái tiền tệ và kết thúc. Qua bán hàng phản ánh được năng lực kinh doanh của doanh nghiệp, từ đó có cơ sở để tính kết quả kinh doanh.

Doanh thu: Là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Doanh thu thuần: Là chênh lệch giữa tổng doanh thu và các khoản giảm trừ (Chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán, thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế xuất khẩu).

Thời điểm ghi nhận doanh thu: Là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu về sản phẩm, hàng hóa, lao vụ. Nói cách khác, thời điểm ghi nhận doanh thu là thời điểm người mua trả tiền hay chấp nhận nợ về lượng hàng hóa, vật tư đã được người bán chuyển giao.

Chi phí: Là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản phân phối cho cổ đông hoặc chủ sở hữu.

Kết quả kinh doanh: Là số tiền lãi hay lỗ từ các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định, đây là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp.

Phân loại hoạt động kinh doanh và cách thức xác định kết quả kinh doanh từng hoạt động

➤ *Hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp gồm 3 hoạt động cơ bản:*

- Hoạt động sản xuất kinh doanh
- Hoạt động tài chính
- Hoạt động khác

- + *Hoạt động sản xuất kinh doanh*: Là hoạt động sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ của các ngành sản xuất kinh doanh chính và sản xuất kinh doanh phụ.

Kết quả hoạt động sản xuất KD	DTT về BH và cung cấp DV	Giá vốn hàng bán	Chi phí bán hàng	Chi phí quản lý DN
-------------------------------	--------------------------	------------------	------------------	--------------------

Trong đó:

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	=	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	Các khoản giảm trừ doanh thu
---	---	--	---	------------------------------

- + *Hoạt động tài chính*: Là hoạt động đầu tư về vốn và đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn với mục đích kiếm lời.

Kết quả hoạt động tài chính	=	Doanh thu hoạt động tài chính	-	Chi phí hoạt động tài chính
-----------------------------	---	-------------------------------	---	-----------------------------

- + *Hoạt động khác*: Là hoạt động xảy ra ngoài dự kiến của doanh nghiệp.

Kết quả hoạt động khác	=	Thu nhập khác	-	Chi phí khác
------------------------	---	---------------	---	--------------

1.2. Điều kiện ghi nhận doanh thu

Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng: thỏa mãn đồng thời 5 điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ:

Trường hợp về giao dịch cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành

vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

1.3. Nguyên tắc kế toán doanh thu

- Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa có thuế GTGT;

- Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT, hoặc thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán.

- Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB, hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán (Bao gồm cả thuế TTĐB, hoặc thuế xuất khẩu).

- Những doanh nghiệp gia công vật tư, hàng hoá thì chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

- Đối với hàng hoá nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng.

- Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả tiền ngay và ghi nhận vào doanh thu chưa thực hiện phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định.

- Đối với trường hợp cho thuê tài sản, có nhận trước tiền cho thuê của nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ ghi nhận của năm tài chính là số tiền cho thuê được xác định trên cơ sở lấy toàn bộ số tiền thu được chia cho số năm cho thuê tài sản.

1.4. Nhiệm vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác tình hình phát sinh, hiện có và sự biến động của từng loại sản phẩm, hàng hoá theo chỉ tiêu số lượng, chất lượng, chủng loại, giá trị....

- Phản ánh đầy đủ, kịp thời, chi tiết tình hình tiêu thụ ở tất cả các trạng thái như hàng đi đường, hàng tồn kho...

- Xác định đúng thời điểm hàng hóa được coi là tiêu thụ để phản ánh doanh thu một cách chính xác và kịp thời để lập báo cáo tiêu thụ.

- Lựa chọn phương pháp tính giá vốn hàng xuất bán phù hợp.

- Phản ánh, tính toán và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và các khoản chi phí của từng hoạt động trong doanh nghiệp như: chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, giá vốn hàng bán... Từ đó đưa ra các kiến nghị, giải pháp nhằm hoàn thiện việc tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh. Đồng thời theo dõi, đôn đốc các khoản phải thu khách hàng.

- Phản ánh và tính toán chính xác kết quả từng hoạt động, giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước để họ có căn cứ đánh giá sức mua, đánh giá tình hình tiêu dùng, đề xuất các chính sách ở tầm vĩ mô.

- Cung cấp các thông tin kế toán cần thiết phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến bán hàng, xác định và phân phối kết quả kinh doanh.

- Xác lập được quá trình luân chuyển chứng từ về kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.

1.5. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động sản xuất – kinh doanh

1.5.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

❖ Các phương thức tiêu thụ hàng chủ yếu trong các doanh nghiệp

Phương thức bán hàng trực tiếp: Là phương thức giao hàng cho khách hàng trực tiếp tại kho, tại các phân xưởng sản xuất không qua kho. Sản phẩm đã giao cho khách hàng được chính thức coi là tiêu thụ.

Phương thức bán hàng qua đại lý: Là phương thức bán hàng mà doanh nghiệp (bên giao đại lý) giao hàng cho cơ sở (đại lý) nhận bán hàng đại lý, ký gửi để cơ sở này trực tiếp bán hàng. Số hàng giao đại lý này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên giao đại lý, cho đến khi bên đại lý thông báo bán được hàng hoặc thanh toán tiền hàng cho bên giao đại lý thì mới được coi là hàng hóa tiêu thụ và ghi nhận doanh thu. Đối với bên đại lý, hoa hồng bán hàng nhận được chính là doanh thu và phải nộp thuế GTGT trên khoản hoa hồng nhận được này.

Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp: Là phương thức bán hàng thu tiền nhiều lần. Khi giao hàng cho người mua thì lượng hàng chuyển giao được xác định tiêu thụ. Khách hàng sẽ thanh toán một phần tiền hàng ở ngay lần đầu để được nhận hàng, phần còn lại sẽ được trả dần trong một thời gian nhất định và phải chịu một khoản lãi suất đã được quy định trước trong hợp đồng.

Phương thức tiêu thụ nội bộ: Là việc mua, bán sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ giữa đơn vị chính với đơn vị trực thuộc hoặc giữa các đơn vị trực thuộc với nhau trong cùng một tổng công ty, tập đoàn...

Phương thức hàng đổi hàng: Là phương thức bán hàng mà DN đem sản phẩm, vật tư, hàng hóa đổi lấy vật tư, hàng hóa khác không tương tự. Giá trao đổi là giá hiện hành của vật tư, hàng hóa tương ứng trên thị trường.

❖ **Chứng từ, tài khoản sử dụng và sơ đồ hạch toán (TK 511, 512)**

TK 511: Là tài khoản dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động SXKD từ các giao dịch và các nghiệp vụ bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Nợ	TK 511	Có
- Các khoản giảm trừ doanh thu. - K/c doanh thu thuần vào TK 911.		- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.
Tổng số PS nợ		Tổng số PS có
X		

TK 511 không có số dư cuối kỳ

TK 512: Là tài khoản dùng để phản ánh doanh thu của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ các doanh nghiệp. Hay có thể nói là số tiền bán được do bán hàng hóa, sản phẩm, cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty...

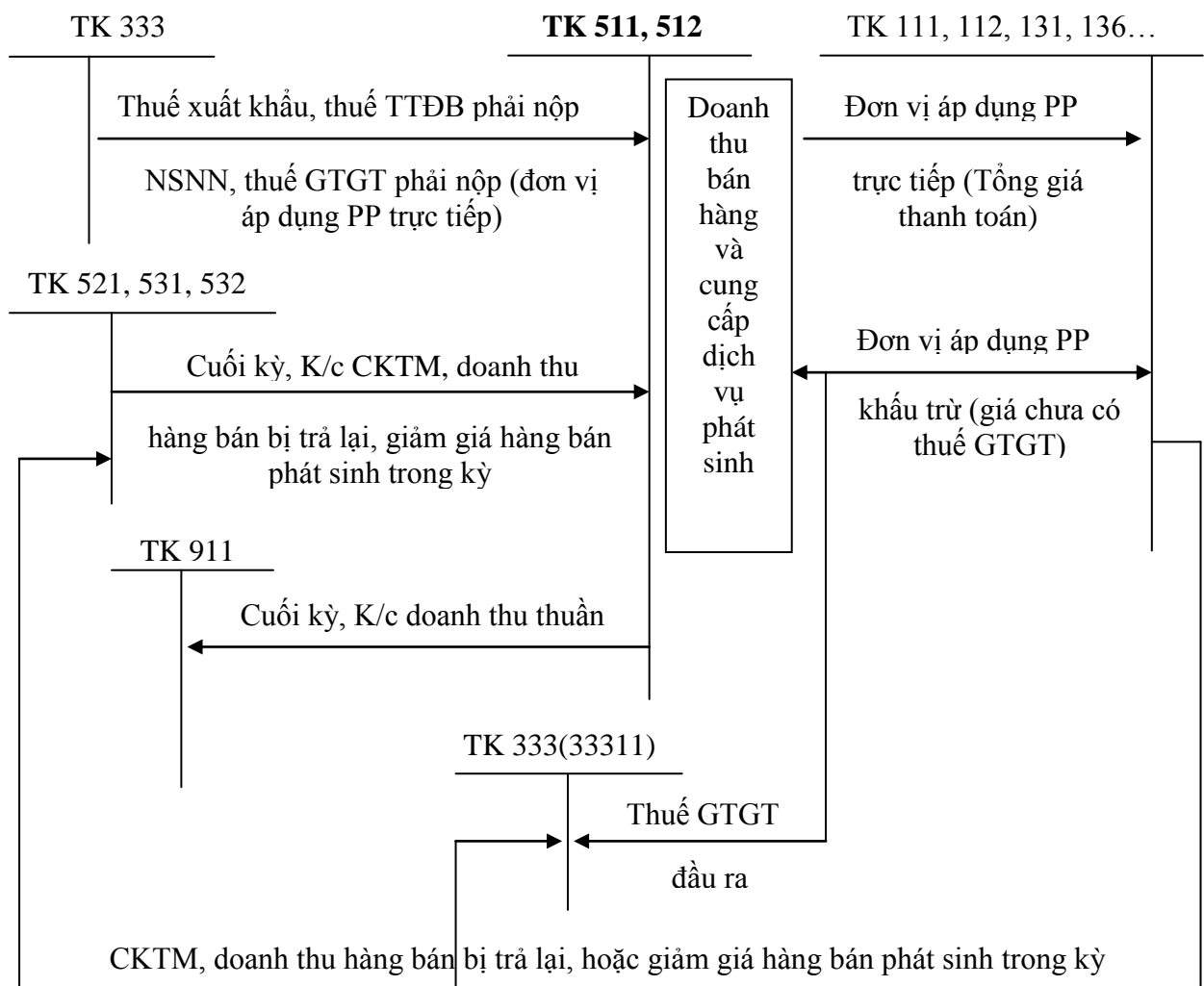
Nợ	TK 512	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Trị giá hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán, chiết khấu thương mại đã chấp nhận trên khối lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội bộ kết chuyển cuối kỳ kế toán - Số thuế TTĐB, GTGT phải nộp của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội bộ. - K/c doanh thu tiêu thụ nội bộ thuần vào TK 911 “xác định kết quả kinh doanh”. 	<ul style="list-style-type: none"> - Doanh thu tiêu thụ nội bộ của đơn vị thực hiện trong kỳ kế toán. 	
Tổng số PS nợ	Tổng số PS có	



TK 512 không có số dư cuối kỳ

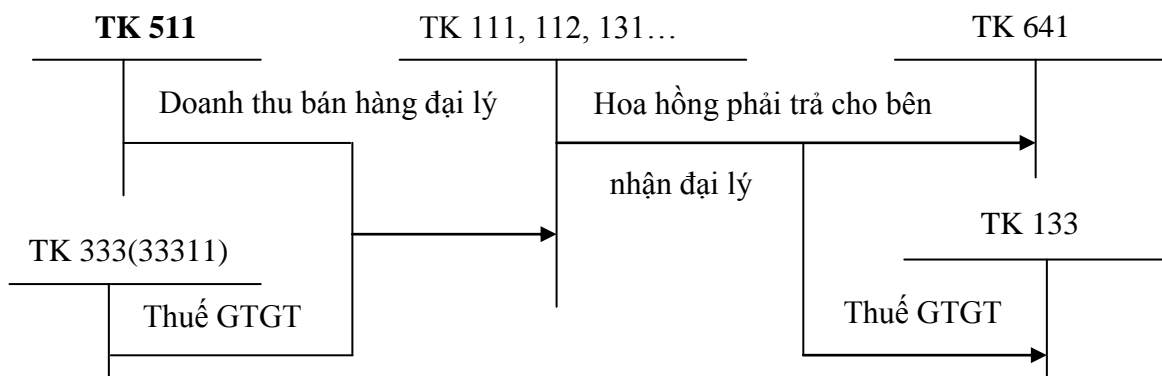
❖ Sơ đồ hạch toán:

Sơ đồ 1.1: Kế toán bán hàng trực tiếp

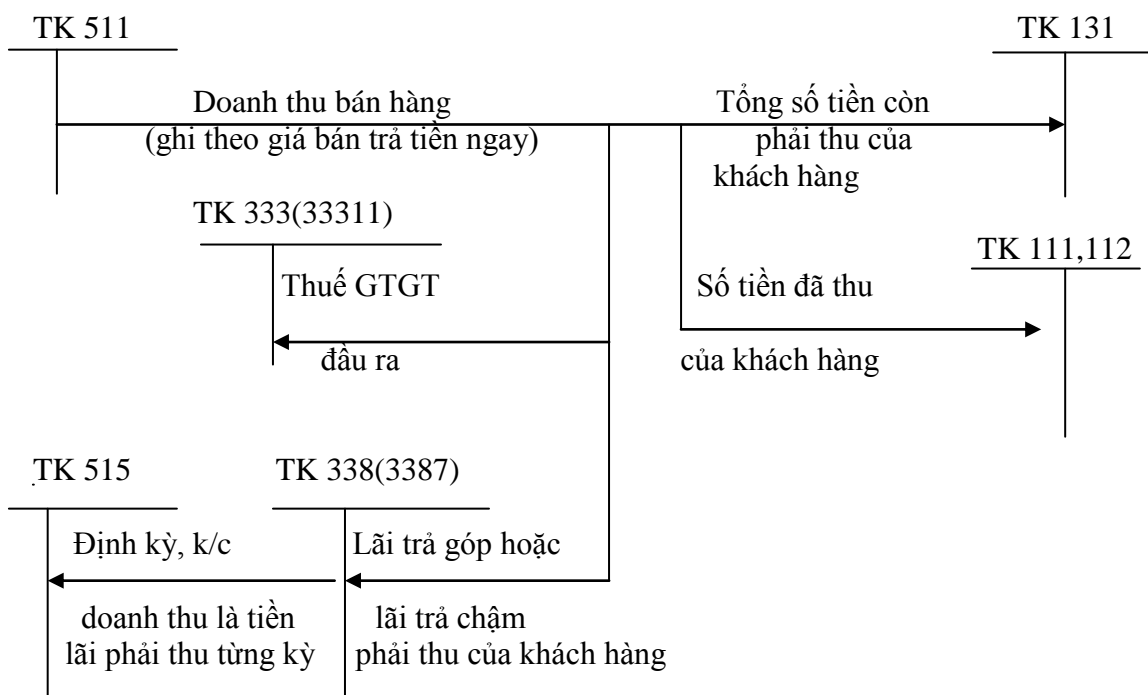


Sơ đồ 1.2: Kế toán bán hàng thông qua đại lý

(Theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng)



Sơ đồ 1.3: Kế toán bán hàng theo phương thức trả chậm (hoặc trả góp)



1.5.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

❖ **Chứng từ, tài khoản sử dụng và sơ đồ hạch toán (TK 521, 531, 532)**

TK 521 (Chiết khấu thương mại): Là tài khoản dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ, hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua hàng (sản phẩm, hàng hóa), dịch vụ với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua, bán hoặc các cam kết mua, bán hàng.

Nợ	TK 521	Có
- Phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu trong kỳ.		- Kết chuyển các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh trong kỳ.
Tổng số PS Nợ		Tổng số PS có

TK 521 không có số dư cuối kỳ.

TK 531 (Hàng bán bị trả lại): Là tài khoản dùng để phản ánh trị giá của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ, bị khách hàng trả lại do các nguyên

nhân: Do vi phạm cam kết; vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị mất, kém phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Nợ	TK 531	Có
- Trị giá của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào nợ phải thu của khách hàng về số sản phẩm, hàng hóa đã bán ra, dịch vụ đã tiêu thụ.		- Kết chuyển trị giá của hàng bán bị trả lại vào bên Nợ TK 511, hoặc TK 512 để xác định doanh thu thuần trong kỳ kế toán.
Tổng số PS Nợ		Tổng số PS có
✕		

TK 531 không có số dư cuối kỳ.

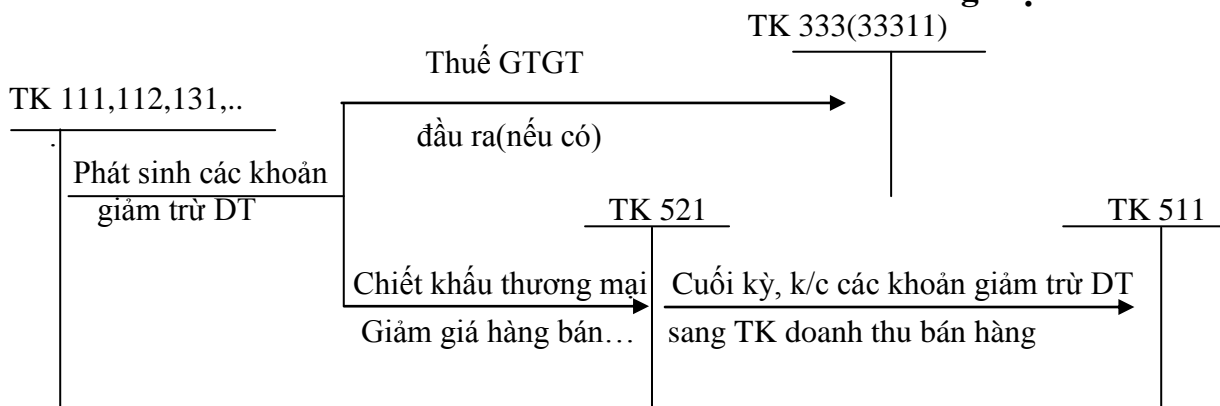
TK 532 (Giảm giá hàng bán): Là tài khoản dùng để phản ánh giảm giá hàng bán thực tế phát sinh trong sổ kế toán. Hay có thể nói, giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do hàng hóa kém phẩm chất, sai quy cách hay lạc hậu thị hiếu.

Nợ	TK 532	Có
- Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng.		- Kết chuyển toàn bộ số tiền giảm giá hàng bán sang Tài khoản doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc Tài khoản doanh thu nội bộ.
Tổng số PS Nợ		Tổng số PS có
✕		

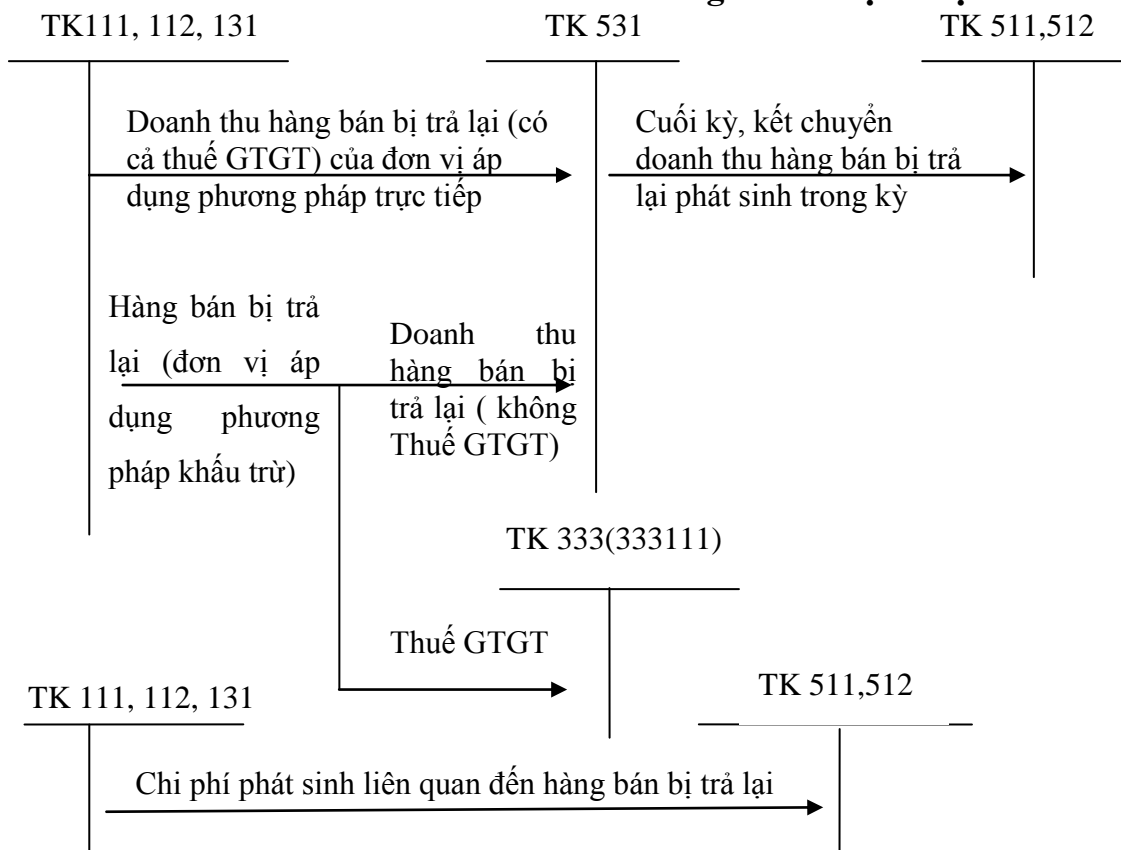
TK 532 không có số dư cuối kỳ.

• **Sơ đồ hạch toán:**

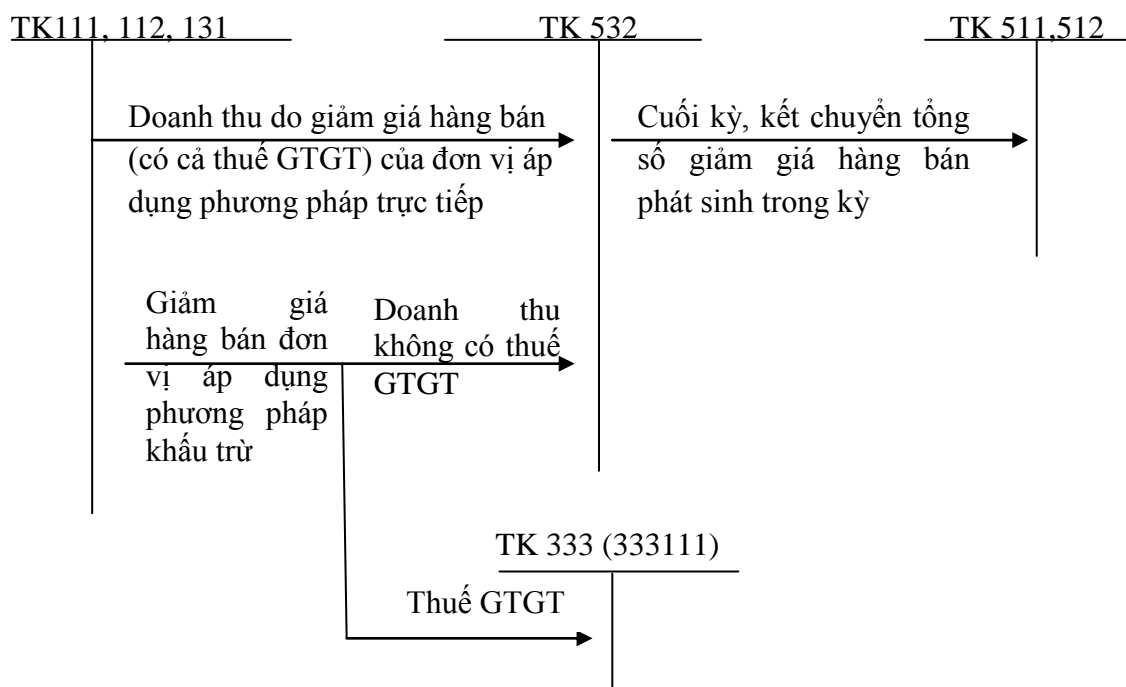
Sơ đồ 1.4: Kế toán khoản chiết khấu thương mại



Sơ đồ 1.5: Kế toán hàng bán đi bị trả lại



Sơ đồ 1.6: Kế toán giảm giá hàng bán



❖ **Các khoản thuế làm giảm doanh thu**

• *Thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp:*

+ Thuế giá trị gia tăng (GTGT) là một loại thuế gián thu tính trên khoản giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng.

+ Phương pháp tính trực tiếp trên GTGT: đối tượng áp dụng là các cá nhân sản xuất, kinh doanh chưa thực hiện đầy đủ các điều kiện về kế toán, hóa đơn, chứng từ để làm căn cứ tính thuế theo phương pháp khấu trừ thuế.

+ Số thuế giá trị gia tăng (GTGT) phải nộp trong trường hợp này được xác định như sau:

Số thuế GTGT phải nộp	=	GTGT của hàng hóa, dịch vụ bán ra	-	Thuế suất thuế GTGT
-----------------------	---	-----------------------------------	---	---------------------

Trong đó:

GTGT của hàng hóa, dịch vụ bán ra	=	Doanh số của hàng hóa, dịch vụ bán ra	-	Giá vốn của hàng hóa, dịch vụ bán ra
-----------------------------------	---	---------------------------------------	---	--------------------------------------

• *Thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB):* là một loại thuế gián thu tính trên giá bán chưa có thuế tiêu thụ đặc biệt) đối với một số mặt hàng nhất định mà doanh nghiệp sản xuất; hoặc thu trên giá nhập khẩu và thuế nhập khẩu đối với một số mặt hàng mà doanh nghiệp nhập khẩu.

+ Phương pháp tính thuế TTĐB:

$$\text{Thuế TTĐB phải nộp} = \text{Giá tính thuế TTĐB} * \text{Thuế suất thuế TTĐB}$$

+ Đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt là một số sản phẩm do các doanh nghiệp sản xuất và một số mặt hàng mà doanh nghiệp nhập khẩu theo quy định của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt (thuốc lá điếu, xì gà; rượu bia; ô tô dưới 24 chỗ...), kinh doanh casino, kinh doanh xổ số, kinh doanh giải trí có đặt cược.

+ Đối tượng nộp thuế tiêu thụ đặc biệt là tất cả các tổ chức, cá nhân có hoạt động sản xuất, nhập khẩu hàng hóa, kinh doanh dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

- *Thuế xuất nhập khẩu*: Là loại thuế trực thu, tính trực tiếp trên trị giá các mặt hàng xuất khẩu và nhập khẩu.
 - + Đối tượng chịu thuế xuất khẩu, nhập khẩu là các hàng hóa xuất – nhập khẩu của các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước, xuất – nhập khẩu qua biên giới Việt Nam.

1.5.3. Kế toán giá vốn hàng bán

❖ Các phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho

- *Phương pháp bình quân gia quyền*:

+ Bình quân gia quyền cả kỳ:

$$\text{Đơn giá bình quân gia quyền cả kỳ} = \frac{\text{Trị giá hàng hóa tồn kho đầu kỳ} + \text{Trị giá hàng hóa nhập kho trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng hóa tồn kho đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng hóa nhập kho trong kỳ}}$$

+ Bình quân gia quyền liên hoàn:

$$\text{Đơn giá bình quân sau lần nhập thứ } i = \frac{\text{Trị giá hàng hóa tồn kho sau lần nhập } i}{\text{Số lượng hàng hóa thực tế tồn kho sau lần nhập } i}$$

- *Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO)*:

FIFO được áp dụng dựa trên giả định là hàng được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, và hàng còn lại cuối kỳ là hàng được mua hoặc sản xuất ở thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

- *Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO)*:

Phương pháp này được áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước, hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trước đó. Giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ còn tồn kho.

• *Phương pháp thực tế đích danh:*

Khi xuất lô hàng nào thì tính giá vốn theo giá thực tế nhập kho đích danh của lô hàng đó. Giá của từng loại hàng sẽ được giữ nguyên từ lúc nhập kho đến lúc xuất ra (trừ trường hợp điều chỉnh). Phương pháp này thích hợp với những hàng hoá có giá trị cao và có tính tách biệt như vàng bạc, kim loại quý hiếm....

❖ **Tài khoản sử dụng:**

TK 632 (Giá vốn hàng bán): Là tài khoản dùng để phản ánh trị giá vốn của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ.

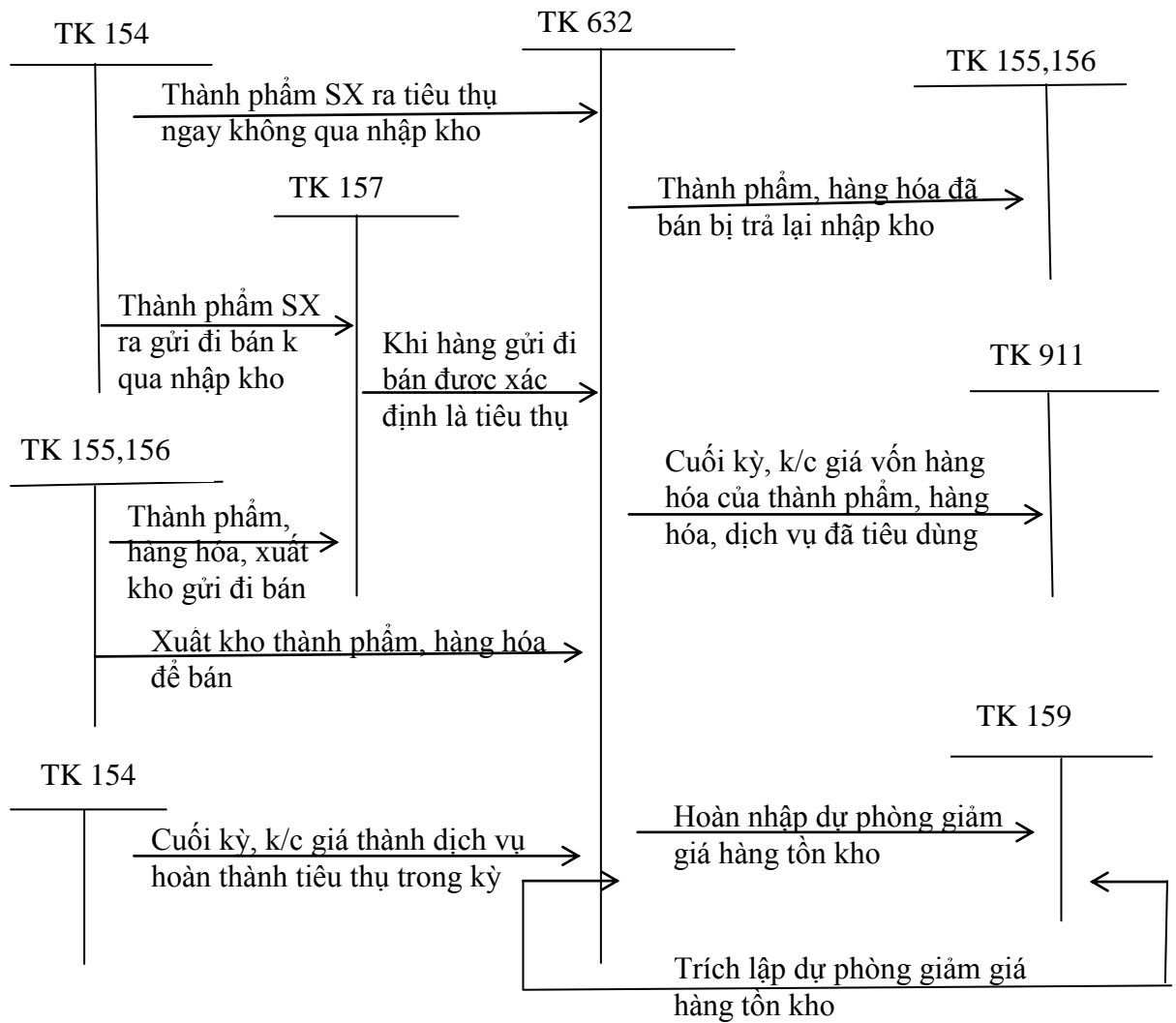
Nợ	TK 632	Có
- Phát sinh giá vốn trong kỳ. - Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.		- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. - Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa phát sinh trong kỳ.
Tổng số PS bên Nợ		Tổng số PS bên Có

✕
TK 632 không có số dư cuối kỳ

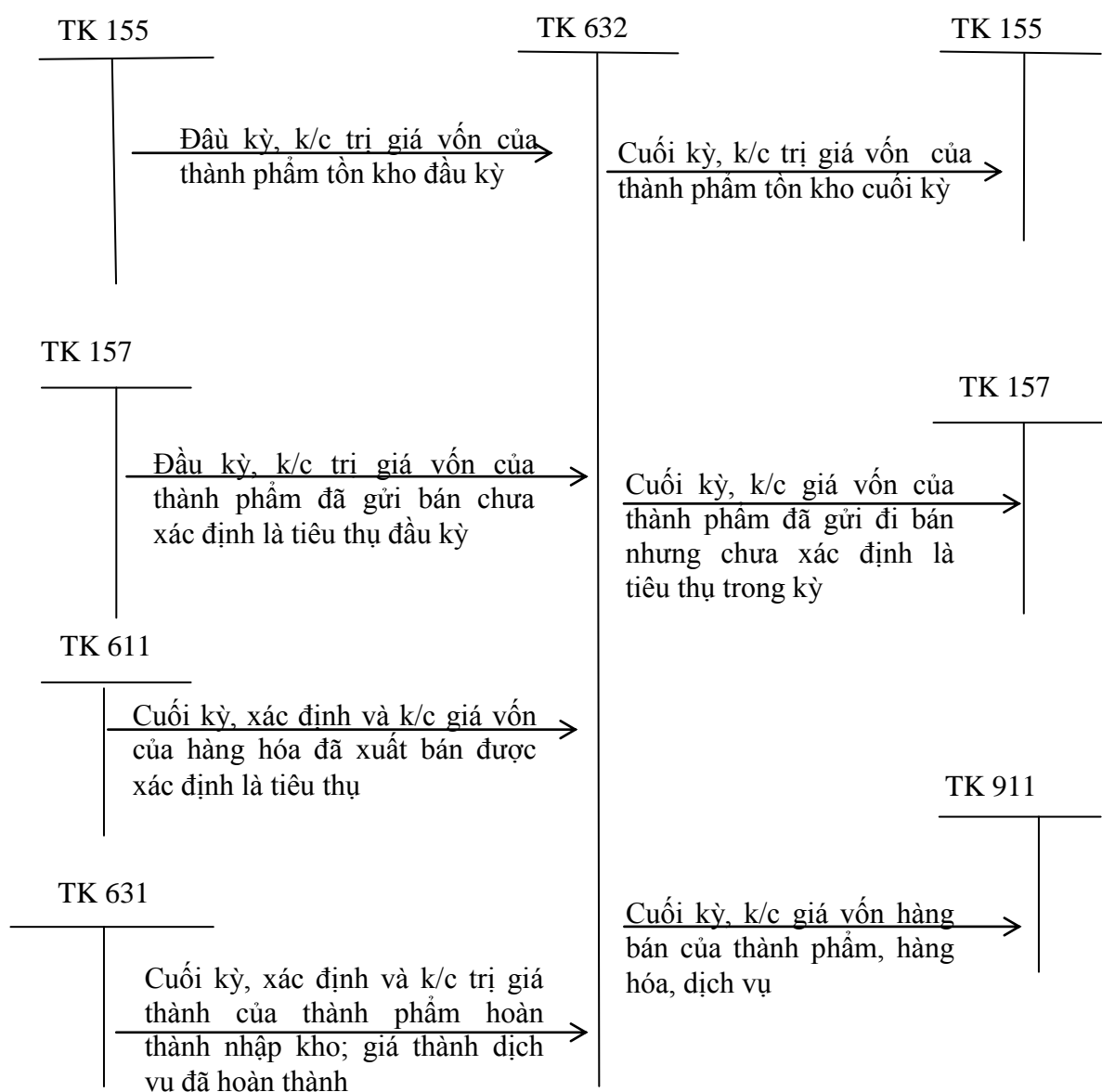
- Sơ đồ hạch toán:

Sơ đồ 1.7: Kế toán giá vốn hàng bán

a) Theo phương pháp kê khai thường xuyên



b) Theo phương pháp kiểm kê định kỳ



1.5.4. Kế toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

• **Tài khoản sử dụng:**

TK 641 (Chi phí bán hàng): Là tài khoản dùng để phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Riêng đối với hoạt động xây lắp, chi phí bán hàng liên quan tới hoạt động xây lắp có thể được phân bổ để tính giá thành toàn bộ xây lắp công trình (Đặc

biệt trong trường hợp doanh nghiệp xây lắp kinh doanh xây dựng nhà cửa, vật kiến trúc để bán).

Nợ	TK 641	Có
- Tập hợp các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.		- Kết chuyển chi phí bán hàng vào Tài khoản 911 để tính kết quả kinh doanh trong kỳ.
Tổng số PS Nợ		Tổng số PS có
✕		

TK 641 không có số dư cuối kỳ.

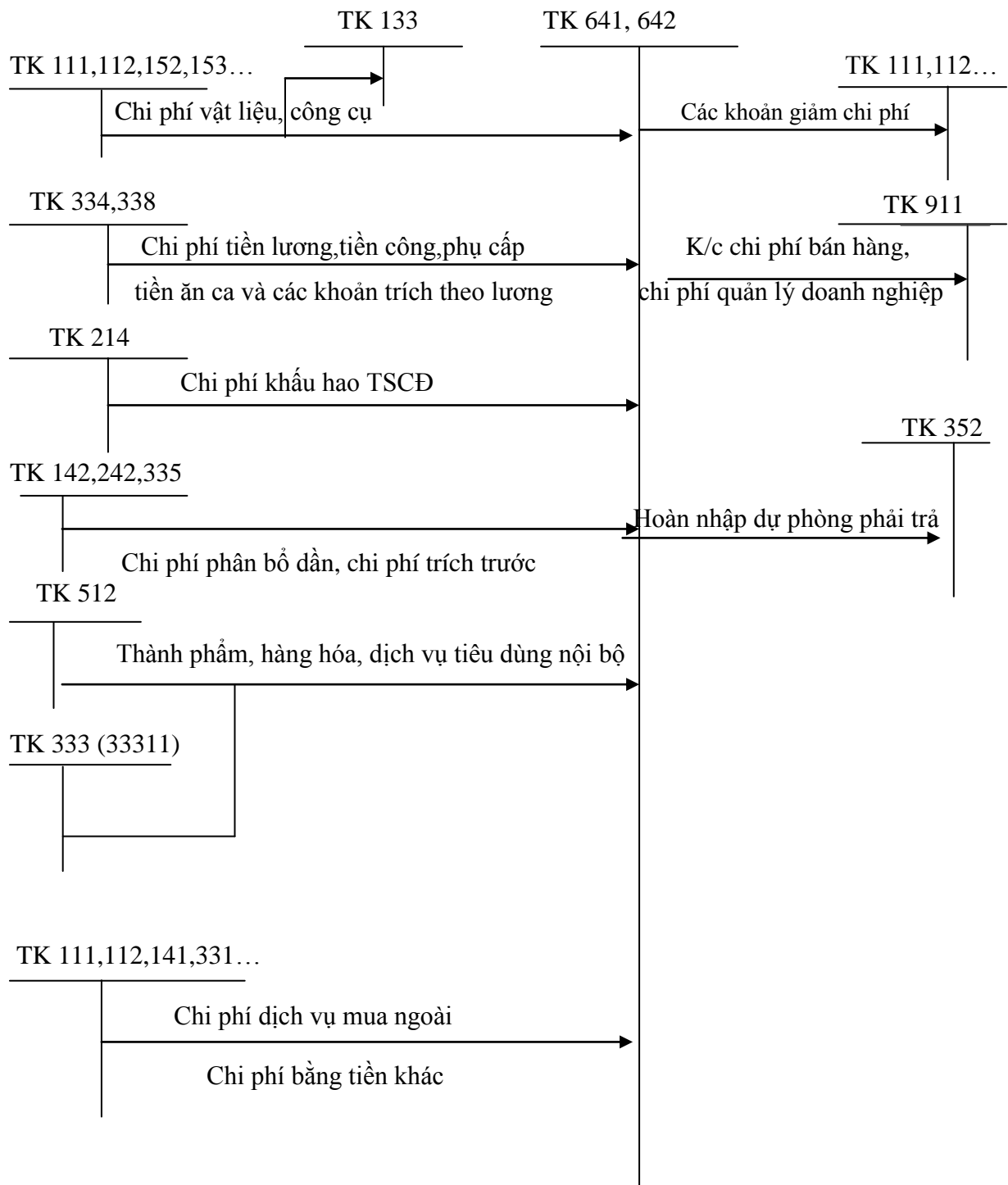
TK 642 (Chi phí quản lý doanh nghiệp): Là tài khoản dùng để phản ánh các chi phí chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (Lương chính, lương phụ, phụ cấp lương...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý doanh nghiệp; thuế nhà đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dự phòng giảm giá hàng tồn kho; dịch vụ mua ngoài (Điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (Tiếp khách, hội nghị khách hàng...) (giá có thuế, hoặc chưa có thuế GTGT).

Nợ	TK 642	Có
- Các chi phí quản lý kinh doanh thực tế phát sinh trong kỳ; - Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả; - Dự phòng trợ cấp mất việc làm.		- Các khoản ghi giảm chi phí kinh doanh trong kỳ - Kết chuyển chi phí QLKD vào TK 911.
Tổng số PS Nợ		Tổng số PS Có
✕		

TK 642 không có số dư cuối kỳ

• Sơ đồ hạch toán

Sơ đồ 1.8: Kế toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp



1.5.5. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TK 821)

TK 821 (Thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tài khoản dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

- **Chứng từ sử dụng:** Phiếu kế toán
- **Tài khoản sử dụng:**
 - TK 821: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
 - Các tài khoản cấp 2:
 - + Tài khoản 8211- Chi phí thuế TNDN hiện hành;
 - + TK 8212- Chi phí thuế TNDN hoãn lại
- **Kết cấu tài khoản:**

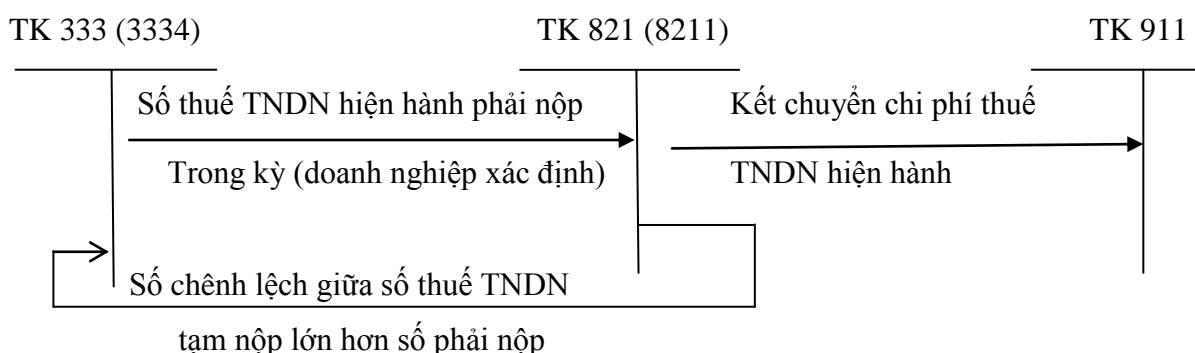
Nợ	TK 821	Có
- Phát sinh CP thuế TNDN trong kỳ. - Xác định CP thuế TNDN trong kỳ.		- Kết chuyển CP thuế TNDN trong kỳ.
Tổng số PS Nợ		Tổng số PS Có
X		

TK 821 không có số dư cuối kỳ.

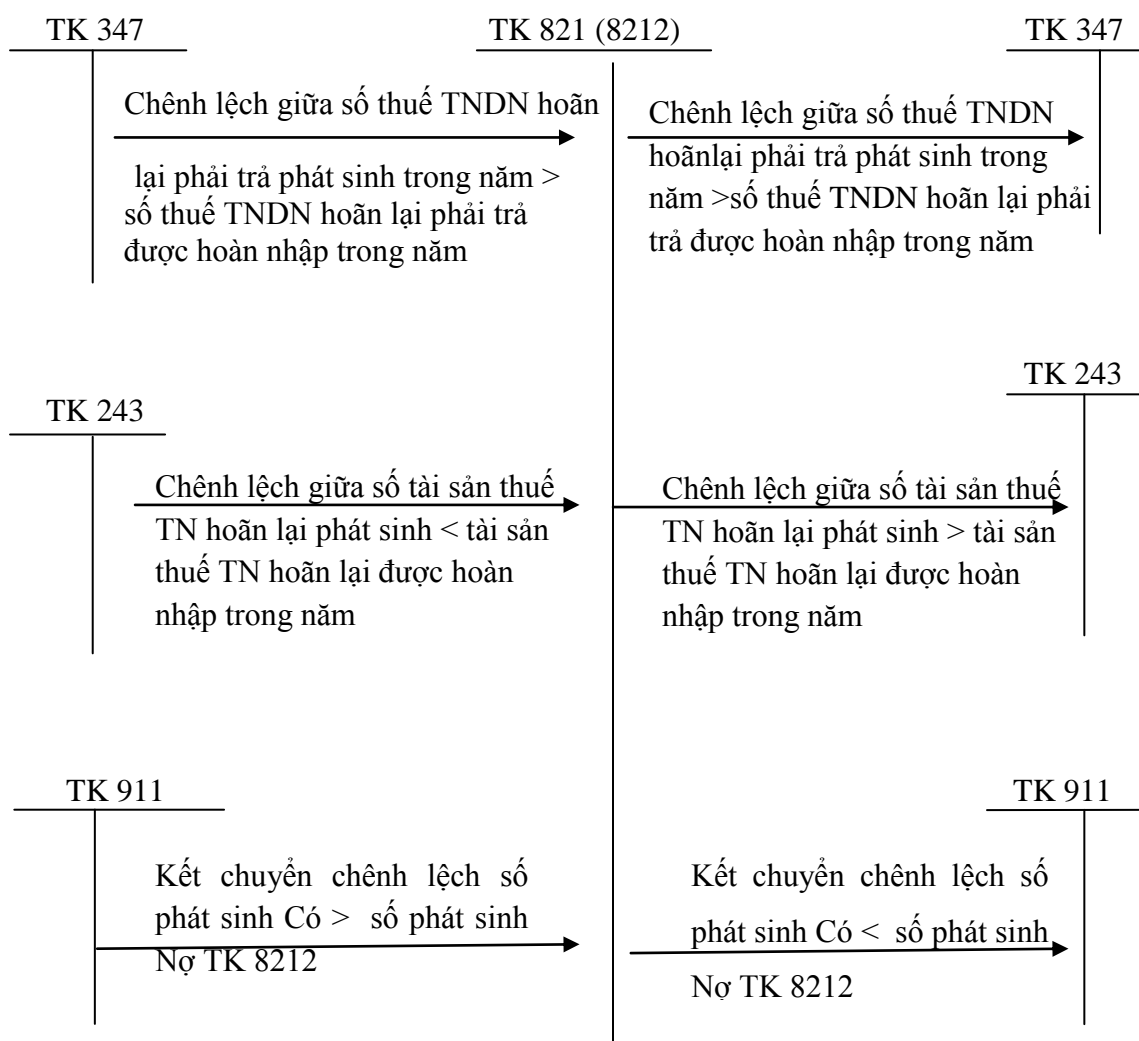
- **Sơ đồ hạch toán**

Sơ đồ 1.9: Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

(TK 8211)



Sơ đồ 1.10: Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (TK 8212)



1.5.6. Kế toán kết quả hoạt động sản xuất – kinh doanh

TK 911 (Xác định kết quả kinh doanh): Là tài khoản dùng để xác định kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán.

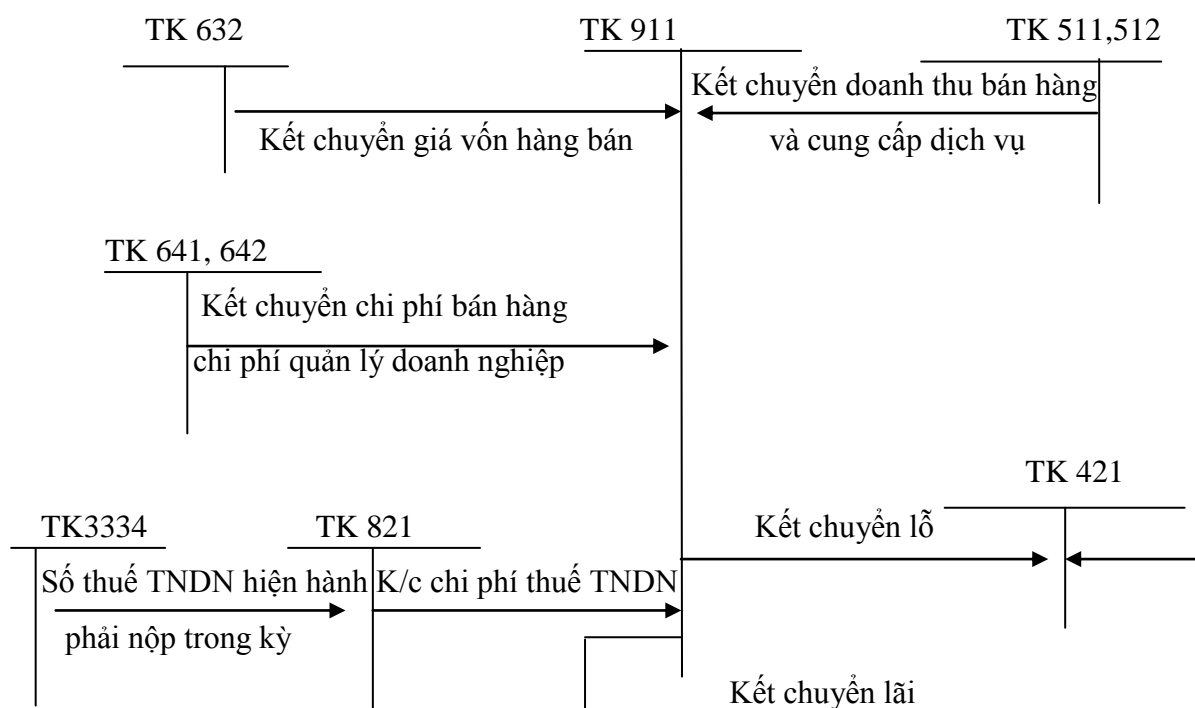
• **Kết cấu Tài khoản:**

Nợ	TK 911	Có
- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán; - Chi phí tài chính, chi phí thuế TNDN và chi phí khác; - Chi phí quản lý kinh doanh; - Kết chuyển lãi.	- Doanh thu thuần về số SP,HH,bất động sản đầu tư và DV đã bán trong kỳ; - Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế TNDN; - Kết chuyển lỗ.	
Tổng số PS Nợ		Tổng số PS Có

TK 911 không có số dư cuối kỳ.

• **Sơ đồ hạch toán :**


Sơ đồ 1.11: Kế toán xác định kết quả kinh doanh



1.6. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động tài chính

TK 515 (Doanh thu hoạt động tài chính): Là tài khoản dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

- **Chứng từ sử dụng:**
 - Phiếu thu, phiếu chi
 - Giấy báo Nợ, Giấy báo Có
 - Các chứng từ khác có liên quan
- **Tài khoản sử dụng:**
 - TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính
- **Kết cấu tài khoản:**

Nợ	TK 515	Có
- Các khoản giảm trừ doanh thu hoạt động tài chính. - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911.		- Các khoản phát sinh doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.
Tổng số PS Nợ		Tổng số PS Có
		

TK 515 không có số dư cuối kỳ.

TK 635 (Chi phí hoạt động tài chính): Là tài khoản dùng để phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán...; Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

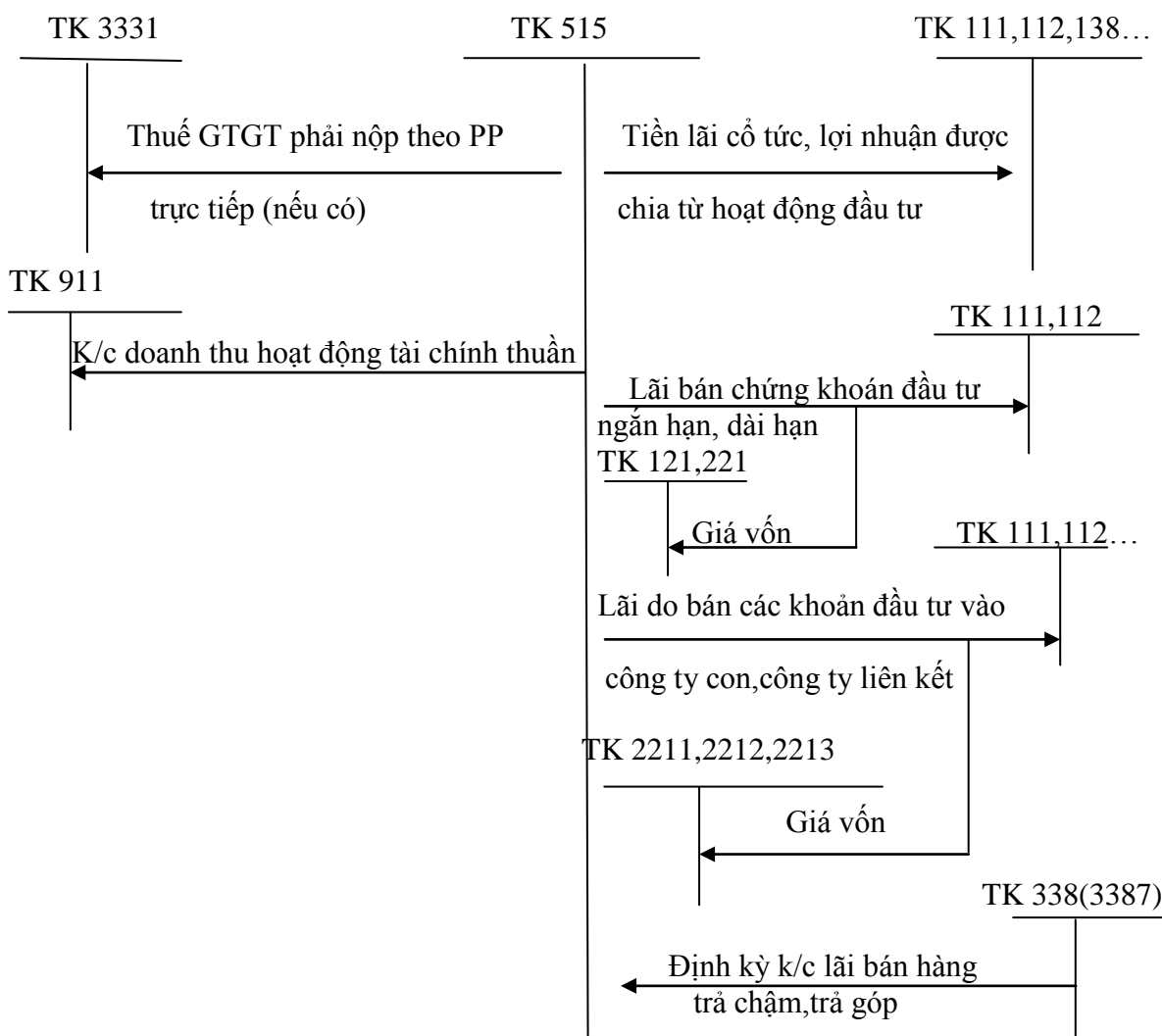
• **Kết cấu tài khoản:**

Nợ	TK 635	Có
- Các khoản phát sinh chi phí tài chính trong kỳ.		- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính. - Kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.
Tổng số PS Nợ		Tổng số PS Có

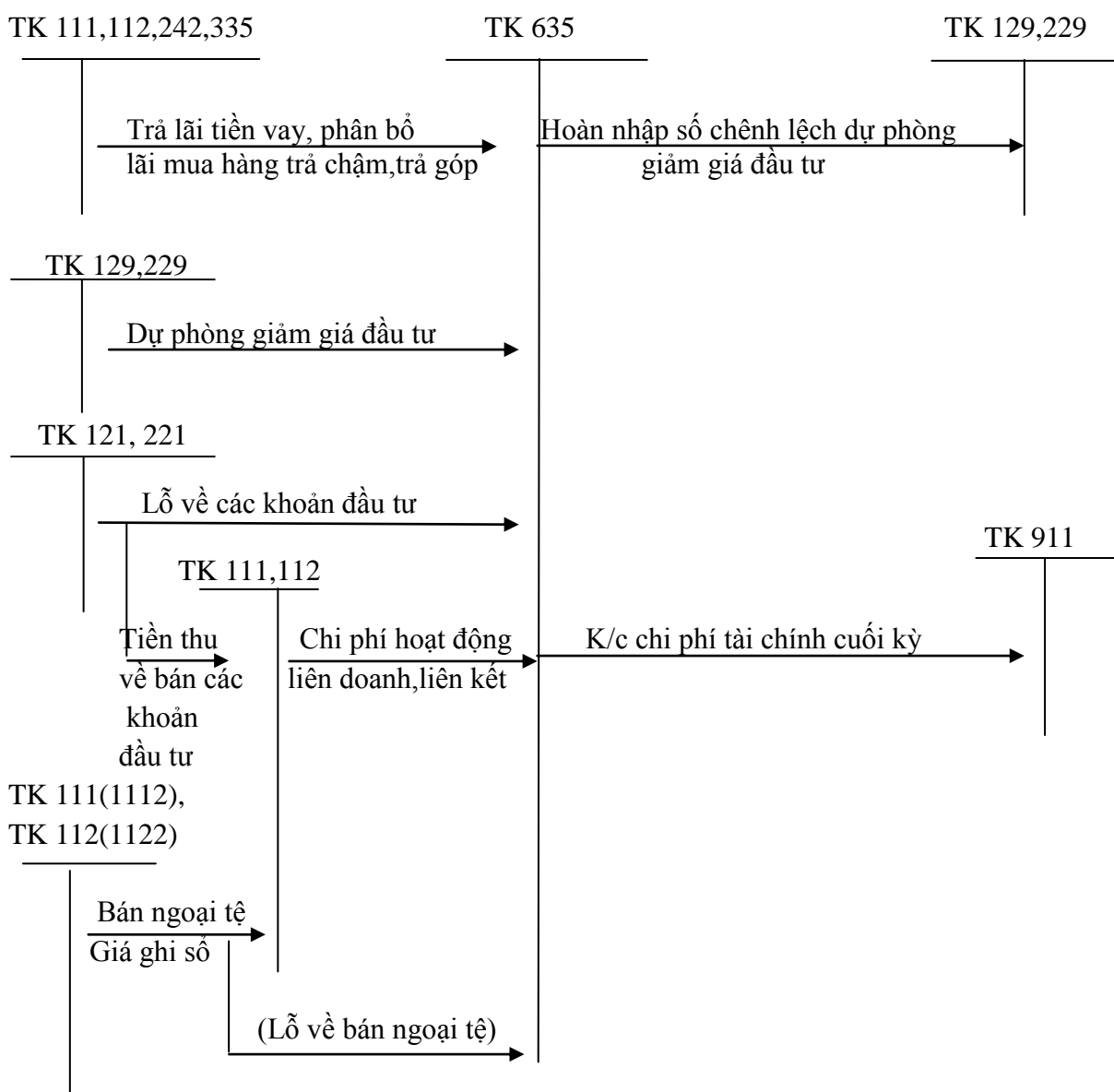
TK 635 không có số dư cuối kỳ

❖ **Sơ đồ hạch toán:**

Sơ đồ 1.12: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính



Sơ đồ 1.13: Kế toán chi phí tài chính



1.7. Nội dung kế toán thu nhập, chi phí và kết quả hoạt động khác

TK 711 (Thu nhập khác): Là tài khoản dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác của đơn vị ngoài thu nhập các hoạt động đã phản ánh ở những Tài khoản 511 “ doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” và Tài khoản 515 “ doanh thu hoạt động tài chính”.

- **Chứng từ sử dụng:**
 - Phiếu thu, phiếu chi
 - Các chứng từ khác có liên quan

• **Tài khoản sử dụng bao gồm:**

- Thu từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- Thu tiền phạt do KH vi phạm hợp đồng;
- Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ;
- Thu nhập quà biếu tặng bằng tiền, hiện vật;
- Các khoản thu nhập khác...

• **Kết cấu tài khoản:**

Nợ	TK 711	Có
- Phát sinh các khoản thu nhập khác. - K/c các khoản thu nhập khác sang TK 911.		- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.
Tổng số PS Nợ		Tổng số PS Có



TK 711 không có số dư cuối kỳ

TK 811 (Chi phí khác): Là tài khoản phản ánh những khoản chi phí do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp.

• Chi phí khác bao gồm:

- Chi phí thanh lý và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán;
- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế;
- Bị phạt thuế, truy thu thuế;
- Các khoản chi phí khác...

• **Kết cấu tài khoản:**

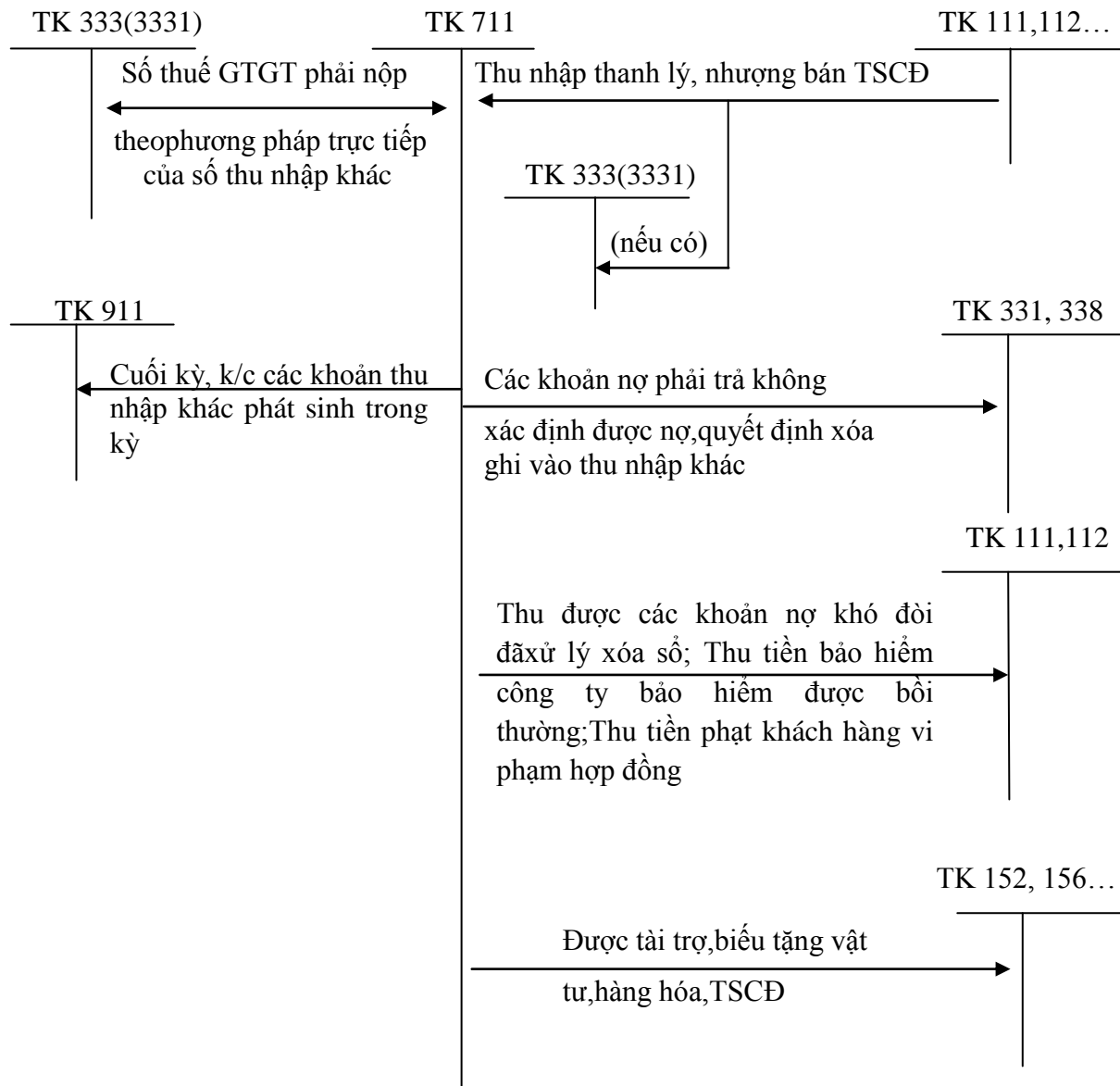
Nợ	TK 811	Có
- Các khoản chi phí phát sinh trong kỳ.		- K/c toàn bộ các khoản chi phí vào TK 911.
Tổng số PS Nợ		Tổng số PS Có



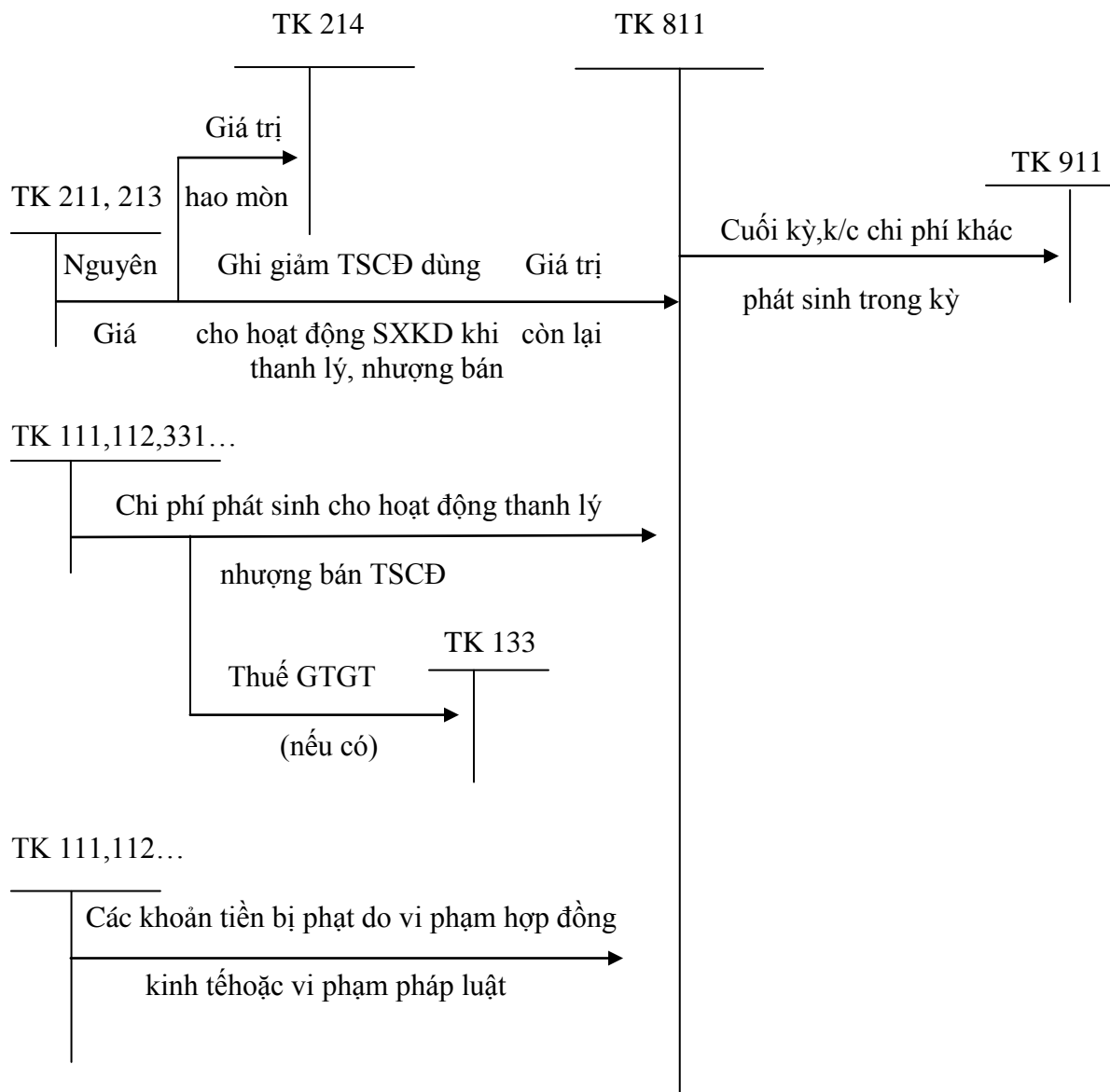
TK 811 không có số dư cuối kỳ.

❖ Sơ đồ hạch toán:

Sơ đồ 1.14: Kế toán thu nhập khác.

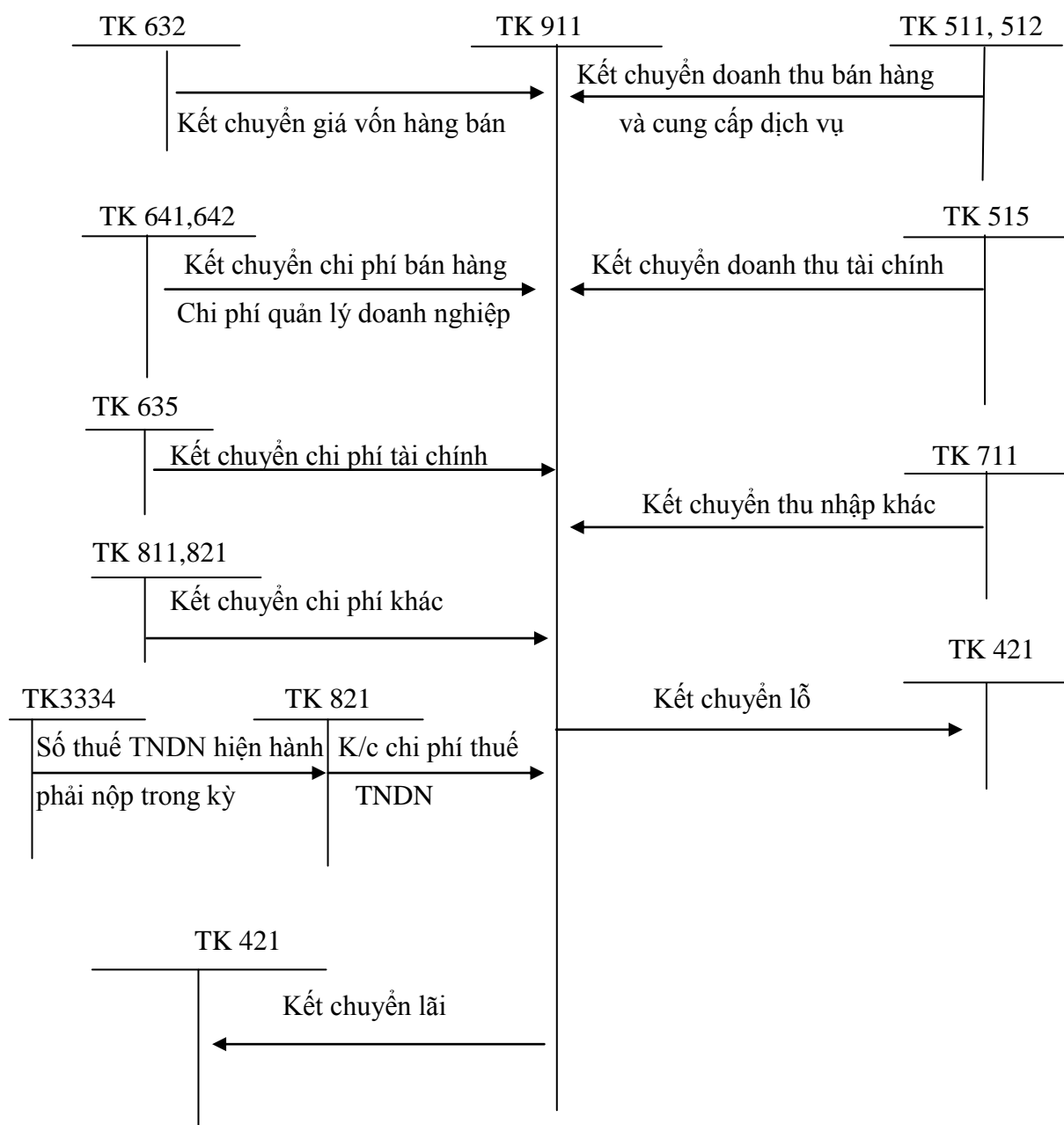


Sơ đồ 1.15: Kế toán chi phí khác



1.8. Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp

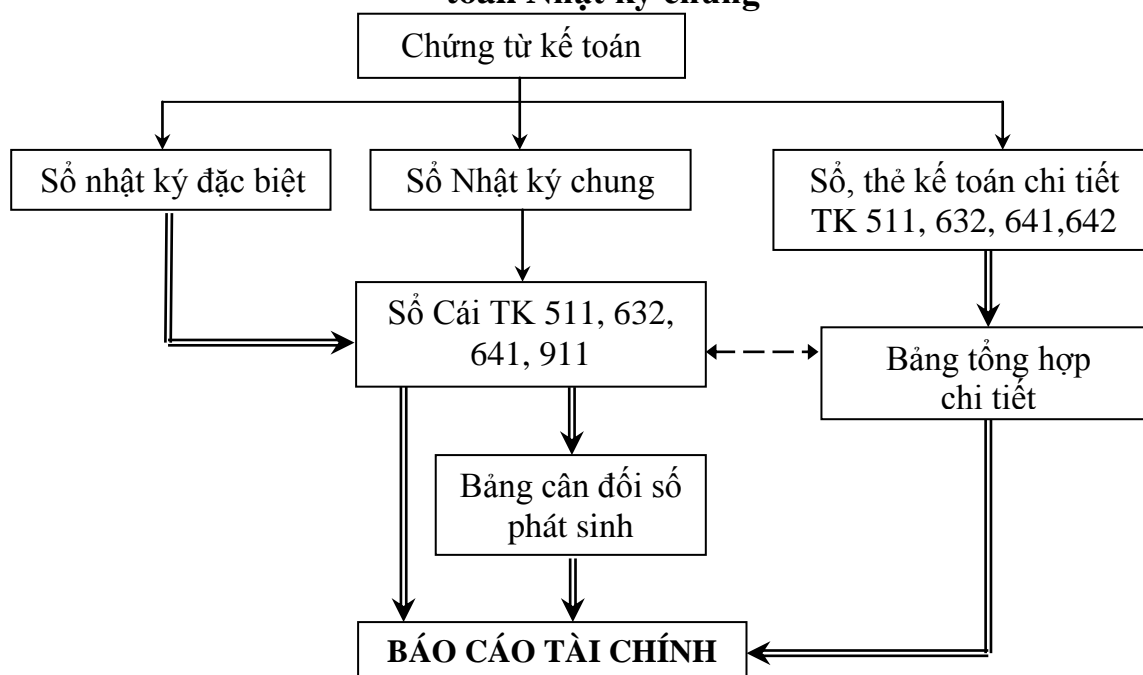
Sơ đồ 1.16: Kế toán tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh



1.9. Đặc điểm kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh theo các hình thức kế toán

❖ **Hình thức kế toán Nhật ký chung**

Sơ đồ 1.17: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu – chi phí theo hình thức kế toán Nhật ký chung

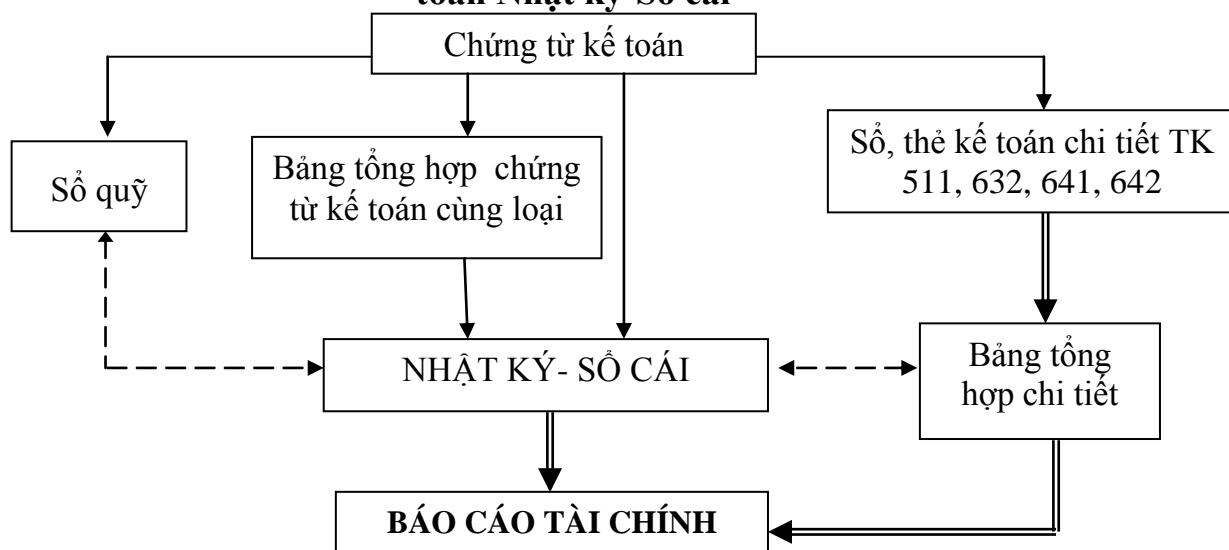


Ghi chú

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ
- ↔ Đối chiếu, kiểm tra

❖ **Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái**

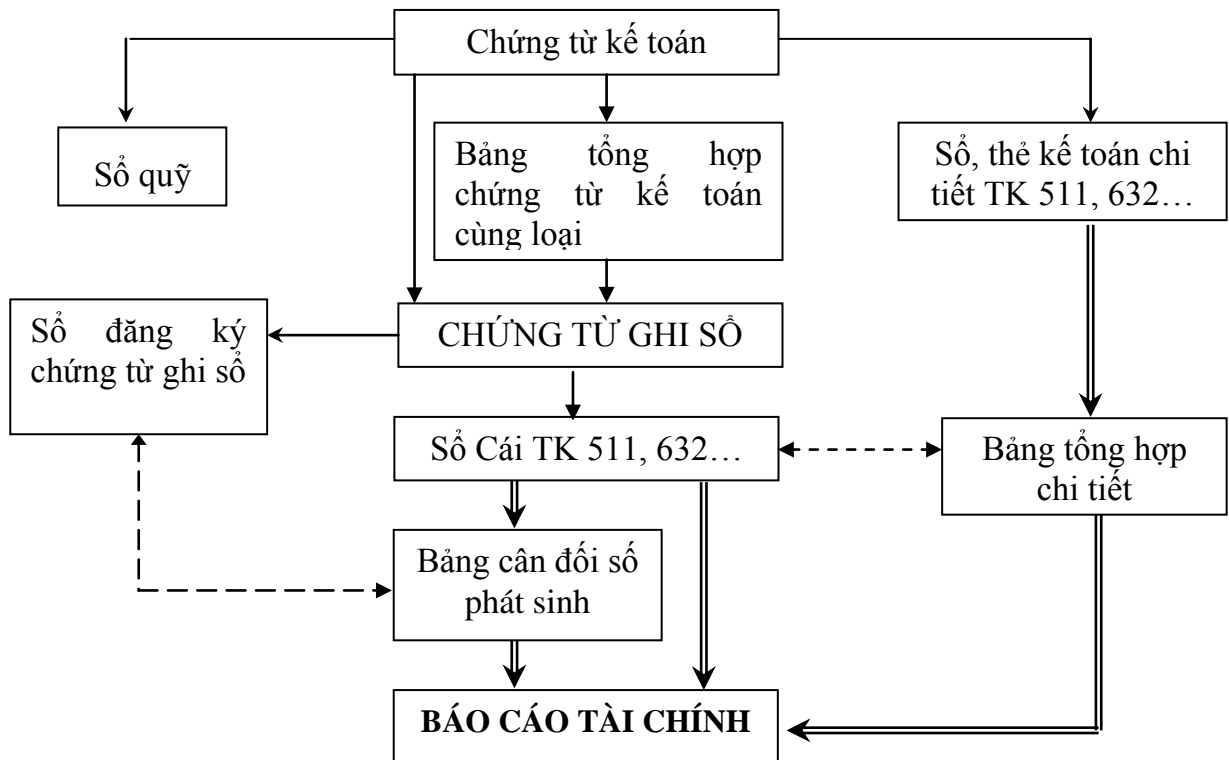
Sơ đồ 1.18: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu – chi phí theo hình thức kế toán Nhật ký-Sổ cái



- Ghi chú**
- Ghi hàng ngày
 - ⇒ Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ
 - ↔ Đối chiếu, kiểm tra

❖ Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

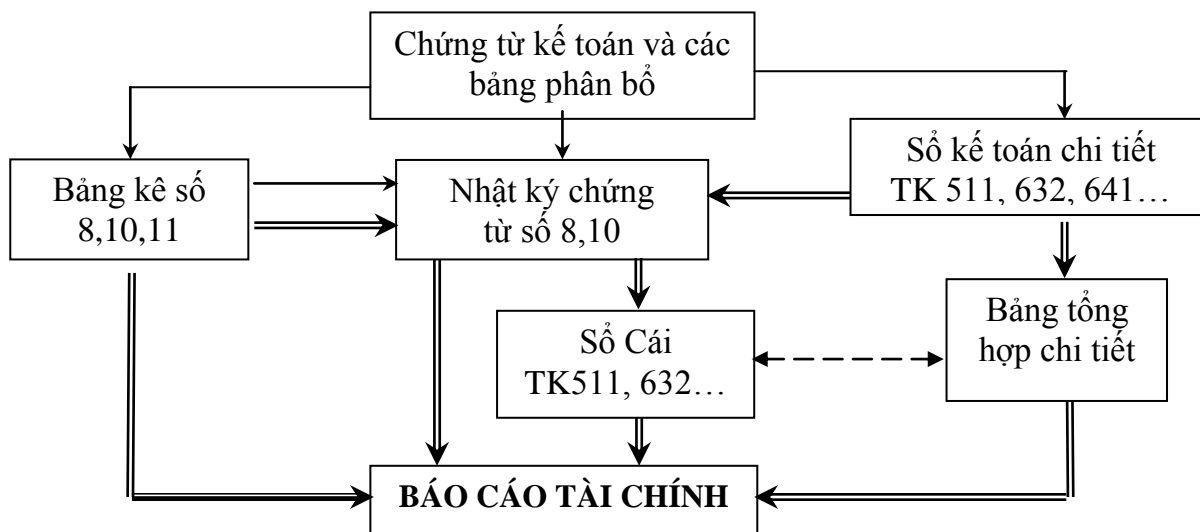
Sơ đồ 1.19: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu – chi phí theo hình thức kế toán Chứng từ - ghi sổ



- Ghi chú**
- Ghi hàng ngày
 - ⇒ Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ
 - ↔ Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

❖ Hình thức kế toán Nhật ký- Chứng từ

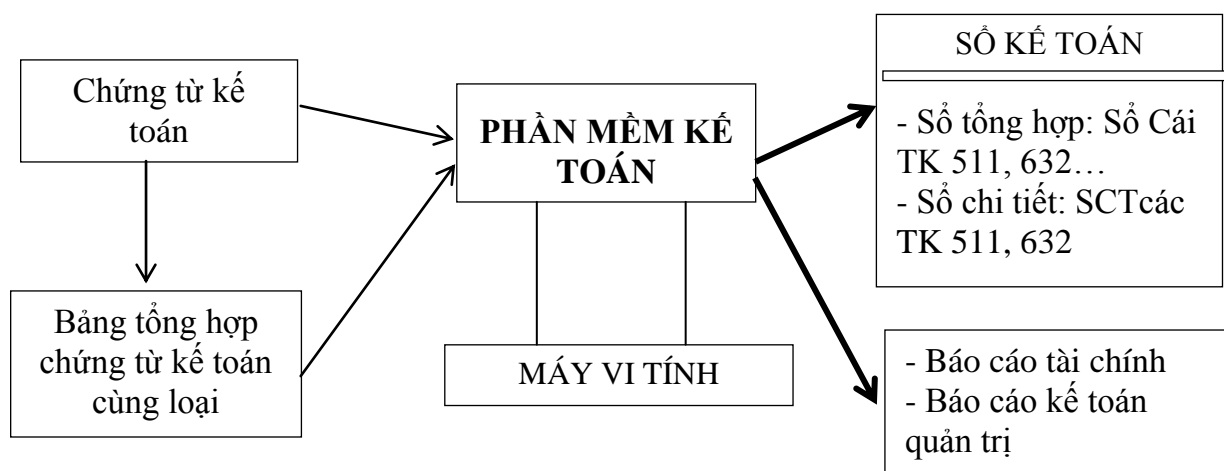
Sơ đồ 1.20: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu – chi phí theo hình thức kế toán Nhật ký-Chứng từ



- Ghi chú**
- Ghi hàng ngày
 - ⇒ Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ
 - ↔ Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

❖ Hình thức kế toán trên máy vi tính

Sơ đồ 1.21: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy tính



- Ghi chú:**
- Nhập số liệu hàng ngày
 - ⇒ In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm
 - ↔ Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

CHƯƠNG 2:

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG HÀ THỊNH PHÁT

2.1. Đặc điểm chung ảnh hưởng đến công tác hạch toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Hà Thịnh Phát

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Hà Thịnh Phát

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Hà Thịnh Phát

Tên công ty viết tắt bằng tiếng nước ngoài: HA THINH PHAT COSNTRUCTION AND TRADING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: HA THINH PHAT CONTRACO

Địa chỉ trụ sở chính: Nhà số 2 lô 2, khu 97 Bạch Đằng, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Điện thoại: 0313.533.239

Mã số thuế: 0201311157

Vốn điều lệ: 3.900.000.000

Trước năm 2012, công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Hà Thịnh Phát chỉ là một cửa hàng bán vật liệu xây dựng nhỏ lẻ với các mặt hàng như: ống nhựa PVC, xi măng, tôn và một số thiết bị xây dựng ... và chỉ có 2 nhân viên bán hàng. Sau một thời gian dài hoạt động có hiệu quả, việc kinh doanh ngày càng phát triển, thị trường được mở rộng, lợi nhuận tăng, đến năm 2012, bốn thành viên là Phạm Quang Hà, Hoàng Văn Phước, Nguyễn Đức Thắng và Phạm Quang Tường đã góp vốn thành lập công ty, lấy tên là: Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Hà Thịnh Phát. Ngày 11 tháng 9 năm 2012 công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Hà Thịnh Phát được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành

phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận đăng kí kinh doanh lần đầu. Công ty bắt đầu đi vào hoạt động chính thức từ ngày 01 tháng 01 năm 2013. Đến nay mặc dù được thành lập chưa lâu nhưng công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Hà Thịnh Phát cũng đã tạo được uy tín trên thị trường, đóng góp một phần vào ngân sách nhà nước, đồng thời góp phần tích cực trong việc tạo công ăn việc làm cho người lao động.

❖ **Lĩnh vực kinh doanh:** Thương mại,xây dựng

❖ **Ngành nghề kinh doanh:**

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn kính xây dựng; Bán buôn sơn; Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; Bán buôn đồ ngũ kim, hàng kim khí, tôn mạ màu).

- Bán buôn kim loại và quặng kim loại (bán buôn sắt , thép, tôn tấm)

- Xây dựng nhà các loại: công trình đường sắt và đường bộ; công trình công ích; công trình kĩ thuật dân dụng khác (Xây dựng công trình công nghiệp, hạ tầng kĩ thuật khu công nghiệp, hạ tầng kĩ thuật khu đô thị); Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện; Hoàn thành các công trình xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (Nạo vét muông, rạch).

BIỂU SỐ 2.1: Số liệu minh chứng cho sự phát triển 2 năm gần đây

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014
Tổng doanh thu	7.540.000.000	8.340.000.000
Tổng doanh thu thuần	7.540.000.000	8.340.000.000
Tổng giá vốn hàng bán	5.884.750.441	6.477.382.895
Tổng lợi nhuận trước thuế	1.064.519.415	1.193.177.770
Thu nhập bình quân 1 LĐ/ tháng	4.454.800	4.635.300
Thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước	321.995.375	310.600.833
Vốn kinh doanh bình quân	1.794.500.000	1.894.500.000

(Nguồn trích: Báo cáo tổng kết năm 2013, 2014 công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Hà Thịnh Phát)

Kết quả kinh doanh trong những năm gần đây là một kết quả đáng khích lệ, ghi nhận nỗ lực cố gắng của toàn thể cán bộ công nhân viên trong công ty.

2.1.2. Đặc điểm hàng hóa tại công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Hà Thịnh Phát

Hiện nay, ngành nghề chính của công ty là chuyên nhận gia công, xây lắp, thi công các công trình của khách hàng với vật liệu và thiết bị xây dựng mua về sau đó xuất thẳng vào công trình... Cụ thể: công ty nhập sắt, thép, xi măng và các loại vật liệu xây dựng cần thiết cho việc hoàn chỉnh xây dựng công trình theo đơn đặt hàng của khách hàng.

Do vật liệu được công ty mua về xuất thẳng cho công trình, giúp quá trình lưu chuyển nguồn vốn nhanh từ việc không bị ứ đọng lại hàng hóa trong kho, chi phí lưu kho là thấp nhất.

2.1.3. Đối tượng, kỳ hạch toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Hà Thịnh Phát

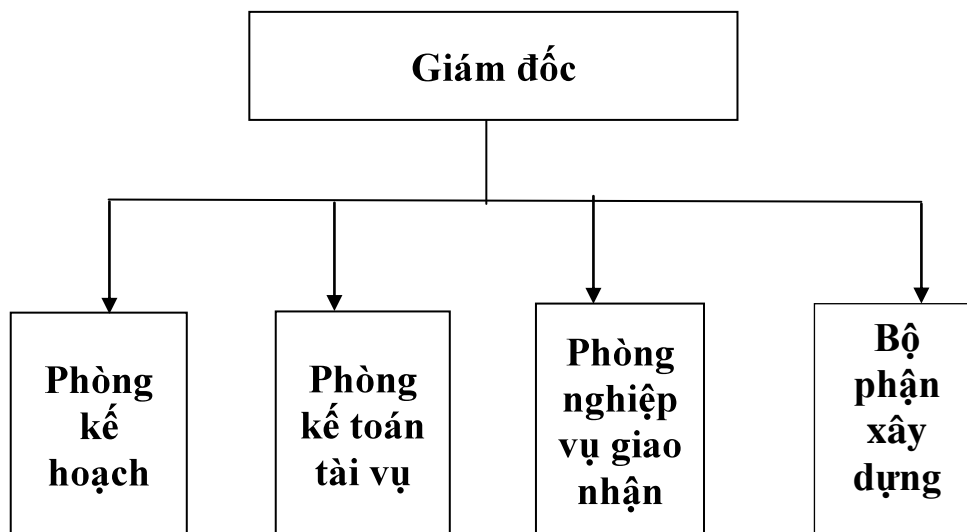
- Đối tượng hạch toán doanh thu, chi phí được thực hiện theo 3 lĩnh vực:
 - Bán hàng và cung cấp dịch vụ
 - Hoạt động tài chính
 - Hoạt động khác
- Đối tượng hạch toán kết quả hoạt động kinh doanh được xác định chung cho cả 3 lĩnh vực trên.
- Kỳ hạch toán: Định kỳ hàng quý kết thúc, công ty sẽ hạch toán doanh thu, chi phí để xác định kết quả kinh doanh.

2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Hà Thịnh Phát

Cơ cấu tổ chức của công ty được xây dựng theo mô hình trực tuyến chức năng, chỉ đạo thống nhất từ trên xuống dưới.

Cơ cấu của công ty được khái quát theo sơ đồ sau:

Sơ đồ 2.1: Cơ cấu tổ chức của công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Hà Thịnh Phát



Chức năng nhiệm vụ của mỗi bộ phận như sau:

❖ **Giám đốc:**

- Là người đại diện theo pháp luật của công ty
- Chịu trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo chung đối với Công ty về các vấn đề như: công tác quy hoạch, kế hoạch kinh doanh, kế hoạch tổ chức cán bộ....
- Giám đốc có nhiệm vụ, quyền hạn cao nhất trong Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty.

❖ **Phòng Kế toán Tài vụ:**

- Thực hiện các hoạt động quản lý nguồn vốn, thực hiện các chế độ chính sách kế toán tài chính theo quy định của chế độ.
- Phân tích đánh giá tình hình tài chính hiện tại của Công ty, đồng thời cân đối thu chi, lập dự toán trong tương lai các vấn đề về tài chính nhằm tham mưu cho Ban Giám đốc đưa ra các quyết định về tài chính.
- Kiểm tra việc kiểm kê định kỳ hàng năm để quản lý điều hành và phục vụ nhu cầu quản lý của Công ty.

❖ **Phòng kế hoạch:**

- Tham mưu cho giám đốc về việc quản lý, công tác tổ chức nhân sự của công ty
- Soạn thảo các công văn giấy tờ theo lệnh của giám đốc; tiếp nhận các công văn giấy tờ từ nơi khác gửi đến. Bảo quản các giấy tờ tài liệu.

- Chịu trách nhiệm tiếp khách và và tổ chức Hội nghị trong công ty.
- Thực hiện các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, các chế độ quy định về tiền lương, thưởng cho CBCNV, đảm bảo quyền lợi cho người lao động.
- Tìm hiểu, phân tích các thông tin về thị trường đầu ra, đầu vào báo cáo giám đốc để giám đốc có phương hướng, quyết định điều chỉnh những yếu tố có liên quan đến sản phẩm của Công ty.
- Chịu trách nhiệm trong việc quảng cáo, tiếp thị sản phẩm. Làm nhiệm vụ tham mưu giúp cho Ban giám đốc trong việc lập kế hoạch kinh doanh, tổ chức công tác tiêu thụ sản phẩm.

❖ Phòng nghiệp vụ giao nhận:

- Có nhiệm vụ làm các thủ tục nhập xuất hàng hóa, thuê phương tiện vận tải để vận chuyển theo đúng kế hoạch và thời gian.
- Cung ứng sản phẩm, hàng hóa đảm bảo cả về số lượng, chất lượng cũng như giá cả.

❖ Bộ phận xây dựng:

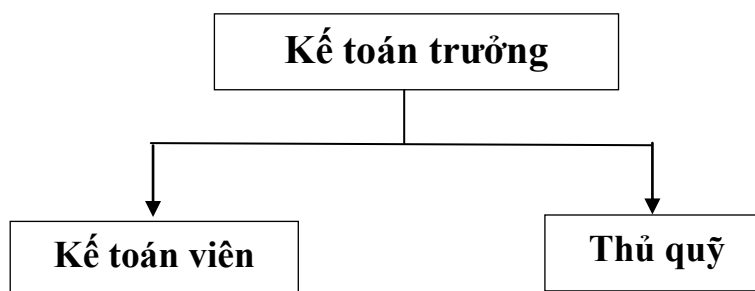
- Là bộ phận trực tiếp tham gia thi công, xây dựng công trình.
- Chịu toàn bộ trách nhiệm về sự sai sót, hỏng hóc của công trình trong quá trình xây dựng.

2.1.5. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Hà Thịnh Phát

2.1.5.1. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán của công ty

Bộ máy kế toán của Công ty được tổ chức theo mô hình tập trung và được thực hiện tại Phòng kế toán Tài vụ.

Sơ đồ 2.2: Mô hình tổ chức bộ máy kế toán của công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Hà Thịnh Phát



Chức năng, nhiệm vụ

❖ **Kế toán trưởng:**

- Phụ trách, chỉ đạo toàn diện công tác kế toán của Công ty.
- Là kiểm soát viên kinh tế tài chính.
- Phân tích, cung cấp thông tin kinh tế tài chính cho Ban lãnh đạo Công ty, là người chịu trách nhiệm chính cao nhất trước giám đốc và pháp luật về những số liệu báo cáo kế toán.
- Kế toán trưởng kiêm chức trưởng phòng kế toán tài vụ và kế toán tổng hợp: xác định kết quả kinh doanh, lập báo cáo tài chính.....

❖ **Kế toán viên:**

- Phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh hàng ngày trong Công ty, cụ thể:
- Theo dõi tình hình thu, chi tiền mặt .
- Theo dõi các khoản phải thu, phải trả và tình hình thanh toán các khoản công nợ của Công ty.
- Theo dõi, quản lý và trích khấu hao tài sản cố định của doanh nghiệp.
- Lập bảng chấm công cho cán bộ công nhân viên và hàng tháng căn cứ vào bảng chấm công, đơn giá ngày công tính thu nhập cho từng người.
- Lập bảng thanh toán tiền lương.

❖ **Thủ quỹ**

- Chịu trách nhiệm thực hiện và theo dõi các nghiệp vụ kinh tế liên quan đến thu, chi tiền mặt.
- Quản lý, bảo quản tiền mặt.
- Kiểm kê, lập sổ quỹ theo quy định.

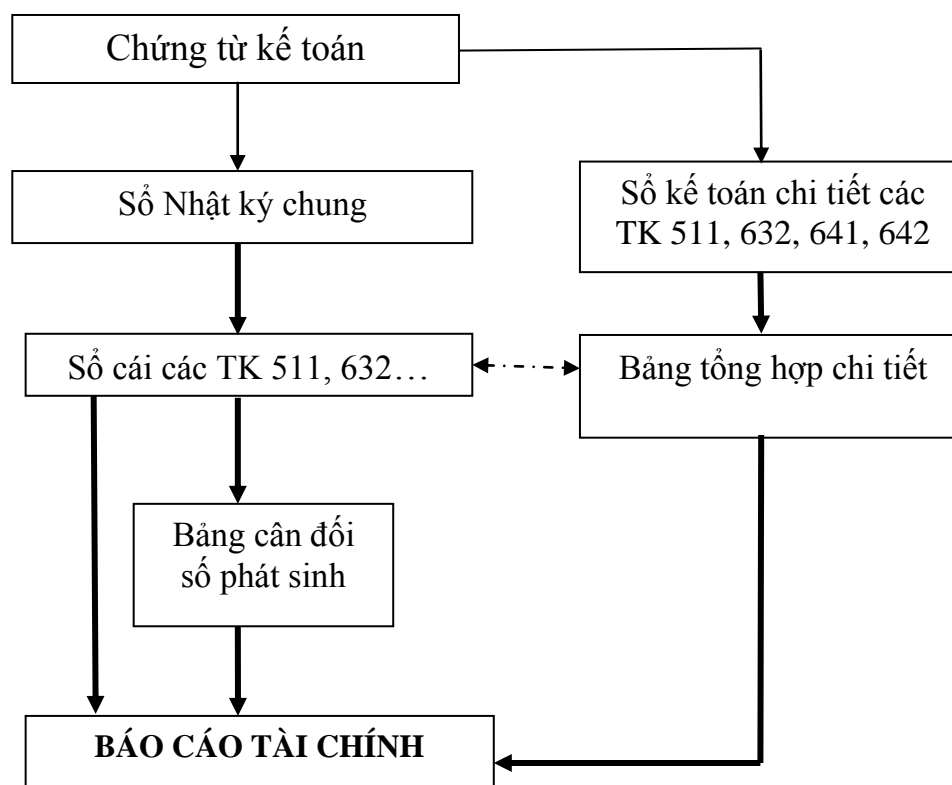
2.1.5.2. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Hà Thịnh Phát áp dụng chế độ kế toán ban hành theo quyết định số: 15/2006/QĐ - BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

- Hiện nay, Công ty đang áp dụng:
- Kỳ kế toán: theo năm
- Đơn vị tiền tệ sử dụng: đồng Việt Nam
- Phương pháp kế toán hàng tồn kho: phương pháp kê khai thường xuyên.
- Nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

- Tính giá trị hàng xuất kho theo phương pháp thực tế đích danh
- Trích khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng.
- Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chung

Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán của Công ty



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày \longrightarrow
- Ghi định kỳ \longrightarrow
- Đối chiếu, kiểm tra $\longleftarrow \text{---} \longrightarrow$

2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Hà Thịnh Phát

2.2.1. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ

2.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

- **Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn GTGT
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, Giấy báo Có...
- Các chứng từ liên quan khác.

- **Tài khoản sử dụng:**

- TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

- **Sổ sách sử dụng:**

- Sổ nhật kí chung
- Sổ cái TK 511

- **Nội dung hạch toán:**

VD 1:

Xác định khối lượng xây dựng hoàn thành lần 1 thi công công trình lắp đặt nhà kho theo hợp đồng kinh tế số: 140814/DGK – HTP ngày 14/08/2014 phải thu của công ty TNHH Xây dựng Donguk Vina tính đến ngày 31/10/2014 theo hóa đơn GTGT số 0000022 (biểu 2.2). Tổng thanh toán là 100.000.000 đồng, thuế GTGT 10%.

BIỂU SỐ 2.2:Hóa đơn GTGT số0000022

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Mẫu số: 01GTKT3/001		
<i>Liên 3: Nội bộ</i>			Ký hiệu: AA/14P		
<i>Ngày 31 tháng 10 năm 2014</i>			Số: 0000022		
<p>Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG HÀ THỊNH PHÁT Mã số thuế: 02011311157 Địa chỉ: Nhà số 2 lô 2, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng Điện thoại: 031.3804163 Số tài khoản: 32110000740466 _ Ngân hàng Đầu Tư & Phát Triển Việt Nam – CN Hải Phòng</p>					
<p>Đơn vị mua hàng: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG DONGUK VINA Mã số thuế: 0106072438 Địa chỉ: Số 42, đường Trần Quốc Hoàn, tổ 2, phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, TP. HN Hình thức thanh toán: <i>Tiền mặt/ Chuyển khoản</i> Số tài khoản:</p>					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4*5
1	Xác định khối lượng hoàn thành lần 1 tính đến 31/10/2014 thi công công trình lắp đặt theo hợp đồng kinh tế số:140814/DGK-HTP				90.909.091
Cộng tiền hàng					90.909.091
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			9.090.909
Tổng cộng tiền thanh toán:					100.000.000
Số tiền viết bằng chữ: Một trăm triệu đồng chẵn					
Người mua hàng (<i>Ký, ghi rõ họ tên</i>)		Người bán hàng (<i>Ký, ghi rõ họ tên</i>)		Thủ trưởng đơn vị (<i>Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên</i>)	

Căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 0000022 (biểu 2.2), kế toán định khoản:

Nợ TK 131:	100.000.000
Có TK 511:	90.909.091
Có TK 3331:	9.090.909

VD2:

Ngày 30/11/2014, công ty TNHH Donguk Vina thanh toán khối lượng hoàn thành lần 2, thi công công trình lắp đặt nhà kho theo hợp đồng kinh tế số: 140814/DGK – HTP ngày 14/08/2014, theo hóa đơn GTGT số 0000024 (biểu 2.3). Tổng số tiền là 175.000.000 đồng (thuế GTGT 10%), đã thanh toán bằng chuyển khoản.

BIỂU SỐ 2.3: Hóa đơn GTGT số 0000024

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Mẫu số: 01GTKT3/001		
<i>Liên 3: Nội bộ</i>			Ký hiệu: AA/14P		
<i>Ngày 30 tháng 11 năm 2014</i>			Số: 0000024		
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG HÀ THỊNH PHÁT					
Mã số thuế: 02011311157					
Địa chỉ: Nhà số 2 lô 2, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng					
Điện thoại: 031.3804163					
Số tài khoản: 32110000740466_ Ngân hàng Đầu Tư & Phát Triển Việt Nam – CN Hải Phòng					
Đơn vị mua hàng: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG DONGUK VINA					
Mã số thuế: 0106072438					
Địa chỉ: Số 42 Trần Quốc Hoàn, tổ 2, phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, TP. HN					
Hình thức thanh toán: <i>Chuyển khoản</i> Số tài khoản:					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4*5
1	Công ty TNHH Donguk Vina thanh toán khối lượng hoàn thành lần 2 thi công công trình lắp đặt theo HĐKT số:140814/DGK-HTP ngày 14/8/2014 bằng chuyển khoản				159.090.909
Cộng tiền hàng					159.090.909
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		15.909.091
Tổng cộng tiền thanh toán:					175.000.000
Số tiền viết bằng chữ: Một trăm bảy mươi năm triệu đồng chẵn					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
<i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		<i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		<i>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>	

(Nguồn trích: Phòng kế toán Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Hà Thịnh Phát)

BIỂU SỐ 2.4: Giấy báo có số 98

NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM (BIDV)		GIẤY BÁO CÓ		Số: 98 Ngày: 30/11/2014
SỐ TÀI KHOẢN: 321-10-00-074046-6 TÊN TÀI KHOẢN: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG HÀ THỊNH PHÁT				
<u>Kính gửi:</u> Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Hà Thịnh Phát Nhà số 2 lô 2, 97 Bạch Đằng, Hạ Lý, Hồng Bàng, TP. HP			Ngân hàng chúng tôi xin trân trọng thông báo: Tài khoản của quý khách đã được ghi Có với nội dung sau: Nhận tiền chuyển khoản từ công ty TNHH Donguk Vina.	
Ngày hiệu lực 30/11/2014	Số tiền 175.000.000	Loại tiền VND	Diễn giải Tiền chuyển khoản từ công ty TNHH Donguk Vina	
Giao dịch viên (Ký, họ tên)			Kiểm soát (Ký họ, tên)	

Căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 0000024 (biểu 2.3) và Giấy báo có số 98 (biểu 2.4) kế toán định khoản:

Nợ TK 112:	175.000.000
Có TK 511:	159.090.909
Có TK 3331:	15.909.091

VD 3:

Ngày 31/12/2014, việc: thi công lắp đặt giá đỡ băng chuyền, theo Hợp đồng Kinh tế số: 050914/DGK – HTP, ký ngày 05/09/2014 đã hoàn thành, kế toán tiến hành viết hóa đơn GTGT số 0000026 (biểu 2.5). Tổng giá trị công trình: 1.101.100.000 đồng (thuế GTGT 10%).

BIỂU SỐ 2.5: Hóa đơn GTGT số 0000026

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Mẫu số: 01GTKT3/001		
<i>Liên 3: Nội bộ</i>			Ký hiệu: AA/14P		
<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>			Số: 0000026		
<hr/>					
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG HÀ THỊNH PHÁT					
Mã số thuế: 02011311157					
Địa chỉ: Nhà số 2 lô 2, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng					
Điện thoại: 031.3804163					
Số tài khoản: 32110000740466-Ngân hàng Đầu Tư & Phát Triển Việt Nam – CN Hải Phòng					
<hr/>					
Đơn vị mua hàng: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG DONGUK VINA					
Mã số thuế: 0106072438					
Địa chỉ: Số 4 Trần Quốc Hoàn, tổ 2, phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, TP. HN					
Hình thức thanh toán: <i>Tiền mặt/Chuyển khoản</i>			Số tài khoản:		
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4*5
1	Khối lượng hoàn thành công trình: thi công lắp đặt giá đỡ băng chuyền theo hợp đồng kinh tế số 050914/DGK - HTP				1.001.000.000
Cộng tiền hàng					1.001.000.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			100.100.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					1.101.100.000
Số tiền viết bằng chữ: Một tỉ một trăm lẻ một triệu một trăm nghìn đồng chẵn					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
<i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		<i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		<i>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>	

(Nguồn trích: Phòng kế toán Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Hà Thịnh Phát)

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0000026 (biểu 2.5) kế toán định khoản:

Nợ TK 131:	1.101.100.000
Có TK 511:	1.001.000.000
Có TK 3331:	100.100.000

Căn cứ vào HD GTGT số 0000022 (biểu 2.2), 0000024 (biểu 2.3), Giấy báo có (biểu 2.4), HD GTGT 0000026 (biểu 2.5), kế toán ghi vào Sổ nhật ký chung như biểu 2.6

BIỂU SỐ 2.6: Sổ Nhật ký chung

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG HÀ THỊNH PHÁT Đ/c: Số 2 Lô 2, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, TP. HP				Mẫu số S03a-DN (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)		
Trích Sổ nhật ký chung Năm 2014						
Đơn vị tính: Đồng						
Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang			
					
31/10/2014	HD GTGT 0000022	31/10/2014	Xác định khối lượng hoàn thành lần 1	131	100.000.000	
				511		90.909.091
				3331		9.090.909
					
30/11/2014	HD GTGT 0000024 GBC 98	30/11/2014	Xác định khối lượng hoàn thành lần 2	112	175.000.000	
				511		159.090.909
				3331		15.909.091
					
31/12/2014	HD GTGT 0000026	31/12/2014	Khối lượng thi công lắp đặt giá đỡ băng chuyền	131	1.101.100.000	
				511		1.001.000.000
				3331		100.100.000
					
			Cộng cuối quý 4		22.869.945.569	22.869.945.569
			Cộng cuối năm		87.149.808.166	87.149.808.166
Người lập biểu (ký, ghi rõ họ tên)		Kế toán trưởng (ký, ghi rõ họ tên)		Ngày 31 tháng 12 năm 2014 Giám đốc (ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)		

(Nguồn trích: Phòng kế toán Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Hà Thịnh Phát)

Căn cứ vào Sổ nhật ký chung(biểu 2.6) kế toán ghi vào Sổ cái TK 511 như biểu 2.7

BIỂU SỐ 2.7:Trích Sổ cái TK 511

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG HÀ THỊNH PHÁT						
Đ/c: Số 2 Lô 2, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, TP. HP						
Trích Sổ cái						
Năm 2014						
Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ						
Số hiệu: 511						
<i>Đơn vị tính: Đồng</i>						
Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
			Số phát sinh trong năm			
					
31/10/2014	HĐ GTGT 0000022	31/10/2014	Xác định khối lượng hoàn thành lần 1	131		90.909.091
					
30/11/2014	HĐ GTGT 0000024 GBC98	30/11/2014	Xác định khối lượng hoàn thành lần 2	112		159.090.909
					
31/12/2014	HĐ GTGT 0000026	31/12/2014	Khối lượng thi công lắp đặt giá đỡ băng chuyên	131		1.001.000.000
31/12/2014	PKT 38	31/12/2014	Kết chuyển doanh thu	911	2.085.000.000	
			Cộng phát sinh quý 4		2.085.000.000	2.085.000.000
			Cộng lũy kể từ đầu năm		8.340.000.000	8.340.000.000
			Số dư cuối năm		<u> </u>	<u> </u>

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu <i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>	Kế toán trưởng <i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>	Giám đốc <i>(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>
---	---	---

(Nguồn trích: Phòng kế toán Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Hà Thịnh Phát)

2.2.1.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Hà Thịnh Phát

- **Chứng từ sử dụng:**
 - Hóa đơn GTGT
 - Các chứng từ liên quan khác.
- **Tài khoản sử dụng:**
 - TK 632: giá vốn hàng bán
- **Sổ sách sử dụng:**
 - Sổ nhật kí chung
 - Sổ cái TK 632
- **Nội dung hạch toán:**

VD4:

Ngày 31/10/2014, sau khi hoàn thành xong công trình lắp đặt nhà kho cho công ty TNHH Donguk Vina theo hợp đồng kinh tế(HĐKT) số: 140814/DGK – HTP ngày 14/08/2014 lần 1; kế toán đã tập hợp chi phí để tính giá vốn cho công trình như biểu 2.8

Căn cứ vào thẻ tính giá thành biểu 2.8, 2.9, 2.10 kế toán ghi vào sổ nhật ký chung như biểu 2.11

BIỂU SỐ 2.11: Sổ Nhật ký chung

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG HÀ THỊNH PHÁT Đ/c: Số 2 Lô 2, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, TP. HP				Mẫu số S03a-DN (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)			
Trích Sổ nhật ký chung Năm 2014							
<i>Đơn vị tính: Đồng</i>							
Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số phát sinh		
	Số hiệu	ngày tháng			Nợ	Có	
			Số trang trước chuyển sang				
						
31/10/ 2014	Bảng Z 31/10	31/10/ 2014	Xác định giá vốn công trình nhà kho Donguk Vina lần 1	632	77.226.009		
				154		77.226.009	
						
30/11/ 2014	Bảng Z 30/11	30/11/ 2014	Xác định giá vốn công trình nhà kho Donguk Vina lần 2	632	135.145.514		
				154		135.145.514	
						
31/12/ 2014	Bảng Z 31/12	31/12/ 2014	Xác định giá vốn công trình giá đỡ bằng chuyển	632	833.079.766		
				154		833.079.766	
						
			Cộng cuối quý 4 Cộng cuối năm		22.869.945.569 87.149.808.166	22.869.945.569 87.149.808.166	
Người lập biểu <i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>				Kế toán trưởng <i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>		Ngày 31 tháng 12 năm 2014 Giám đốc <i>(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>	

(Nguồn trích: Phòng kế toán Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Hà Thịnh Phát)

Căn cứ vào Sổ nhật ký chung (biểu 2.11) kế toán ghi vào Sổ cái TK 632 như biểu 2.12

BIỂU SỐ 2.12:Sổ cái TK 632

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG HÀ THỊNH PHÁT

Đ/c: Số 2 Lô 2, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, TP. HP

Trích Sổ cái

Năm 2014

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Số hiệu: 632

Đơn vị tính: Đồng

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
			Số phát sinh năm			
					
31/10/2014	Bảng Z 31/10	31/10/2014	Xác định giá vốn công trình nhà kho Donguk Vina lần 1	154	77.226.009	
					
30/11/2014	Bảng Z 30/11	30/11/2014	Xác định giá vốn công trình nhà kho Donguk Vina lần 2	154	135.145.514	
					
31/12/2014	Bảng Z 31/12	31/12/2014	Xác định giá vốn công trình giá đỡ bằng chuyên	154	833.079.766	
31/12/2014	PKT 39	31/12/2014	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911		1.584.750.441
			Cộng phát sinh quý 4 Cộng lũy kế từ đầu năm		1.584.750.441 6.477.382.895	1.584.750.441 6.477.382.895
			Số dư cuối năm		<u> </u>	<u> </u>

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu
(ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Nguồn trích: Phòng kế toán Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Hà Thịnh Phát)

2.2.1.3. Kế toán tập hợp chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

- **Chứng từ sử dụng:**
 - Bảng phân bổ lương
 - Bảng trích khấu hao TSCĐ
 - Hóa đơn GTGT
 - Phiếu chi
- **Tài khoản sử dụng:**
 - TK 641: chi phí bán hàng
 - TK 642: chi phí quản lý doanh nghiệp
- **Sổ sách sử dụng:**
 - Sổ Nhật ký chung
 - Sổ cái TK 641, 642
- **Nội dung hạch toán**

VD 7: Ngày 31/12/2014, kế toán lập bảng tính và phân bổ khấu hao tháng 12/2014

BIỂU SỐ 2.13: Bảng tính và phân bổ khấu hao tháng 12/2014

BẢNG TÍNH VÀ PHÂN BỐ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Tháng 12 năm 2014

Chi tiêu	Nơi sử dụng TSCĐ		TK 627	TK 641	TK 642
	Toàn DN	Số hao mòn			
I) Mức khấu hao tháng trước	1.500.000.000	30.525.470	-	30.525.470	-
II) Mức khấu hao tăng tháng này	1.230.000.000	7.291.667	-	625.000	6.666.667
1. Xe ô tô Venza	1.200.000.000	6.666.667	-	-	6.666.667
2. Xe máy Future	30.000.000	625.000	-	625.000	-
III) Mức khấu hao giảm tháng này	-	-	-	-	-
IV) Mức khấu hao tháng này	2.730.000.000	37.817.137	-	31.150.470	6.666.667

(Nguồn trích: Phòng kế toán Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Hà Thịnh Phát)

Căn cứ vào biểu 2.13, kế toán định khoản:

Nợ TK 641: 31.150.470

Nợ TK 642: 6.666.667

Có TK 214: 37.817.137

VD 8:

Ngày 05/12/2014, công ty thanh toán tiền điện thoại cố định văn phòng tháng 11 năm 2014. Tổng tiền thanh toán là 227.291 (thuế GTGT 10%).

Kế toán định khoản:

Nợ TK 642: 206.628

Nợ TK 133: 20.663

Có TK111: 227.291

BIỂU SỐ 2.14:Hóa đơn GTGT số 2078485

CÔNG TY DỊCH VỤ VIỄN THÔNG HẢI PHÒNG		HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT) (Liên 2: Giao khách hàng)		Mẫu số:01GTKT2/001 Ký hiệu: AA/14T Số: 2078485	
Địa chỉ: Số 5 Nguyễn Tri Phương, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng					
Điện thoại: 0313.533239 MST: 0200287977					
Mã khách hàng: TT177					
Tên khách hàng: Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Hà Thịnh Phát					
Địa chỉ khách hàng: Hồng Bàng – Hải Phòng					
STT	Dịch vụ sử dụng	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4*5
	Kỳ cước tháng 11/2014				
	a. Cước dịch vụ viễn thông				206.628
	b. Cước dịch vụ viễn thông không thuế				0
	c. Chiết khấu+ đa dịch vụ				0
	d. Khuyến mại				0
	e. Trừ đặt cọc+ trích thưởng + nợ cũ				0
Cộng:					206.628
Thuế suất GTGT : 10%					20.663
Tổng cộng tiền thanh toán:					227.291
Số tiền bằng chữ: Hai trăm hai mươi bảy nghìn, hai trăm chín mươi một đồng					

Ngày 05 tháng 12 năm 2014

BIỂU SỐ 2.15: Căn cứ Hóa đơn GTGT số 2078485 (biểu 2.14), Kế toán lập Phiếu chi số 18 như biểu 2.15 để thanh toán tiền cho nhà cung cấp.

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ XÂY
DỰNG HÀ THỊNH PHÁT**

Đ/c: Số 2 Lô 2, 97 Bạch Đằng, Hạ Lý, Hồng Bàng,
Hải Phòng

Mẫu số: 02 - TT

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 05 tháng 12 năm 2014

Quyền số: 12

Số: PC 18

Nợ: 642,133

Có: 111

Họ và tên người nhận tiền: Công ty dịch vụ viễn thông Hải Phòng

Địa chỉ: Số 5 Nguyễn Tri Phương, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng

Lý do chi: Thanh toán tiền điện thoại cố định văn phòng

Số tiền: 227.291.....(viết bằng chữ):

Hai trăm hai mươi bảy nghìn hai trăm chín mươi một đồng

Ngày 05 tháng 12 năm 2014

Giám đốc
(Ký, đóng dấu,
ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người lập phiếu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người nhận tiền
(Ký, ghi rõ họ tên)

VD9: Ngày 31/12/2014, kế toán lập bảng phân bổ lương và các khoản trích theo lương như biểu 2.16

BIỂU SỐ 2.16: Trích Bảng phân bổ lương và các khoản trích theo lương

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG HÀ THỊNH PHÁT

Đ/c: Số 2 Lô 2, 97 Bạch Đằng, Hạ Lý, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số: 11 - LĐTL

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

Trích BẢNG PHÂN BỔ LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG

Tháng 12 năm 2014

STT	Ghi Có TK Ghi Nợ TK	TK 334 – Phải trả người lao động		TK 338 – Phải trả phải nộp khác				
		Lương thực tế phải trả	Cộng có TK 334	BHXH	BHYT	BHTN	KPCĐ	Cộng Có TK 338
1	TK 622	30.940.000	30.940.000	5.569.200	928.200	309.400	618.800	7.425.600
2	TK 627	18.700.000	18.700.000	3.366.000	561.000	187.000	374.000	4.488.000
3	TK 641	5.500.000	5.500.000	990.000	165.000	55.000	110.000	1.320.000
4	TK 642	37.566.000	37.566.000	6.761.880	1.126.980	375.660	751.320	9.015.840
5	TK 334	-	-	7.416.480	1.390.590	927.060	-	9.734.130
	Cộng	92.706.000	92.706.000	24.103.560	4.171.770	1.854.120	1.854.120	31.983.570

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng HàThịnh Phát)

Từ bảng phân bổ lương và các khoản trích theo lương, kế toán định khoản:

a) Nợ TK 622:	30.940.000
Nợ TK 627:	18.700.000
Nợ TK 641:	5.500.000
Nợ TK 642:	37.566.000
Có TK 334:	92.706.000
b) Nợ TK 622:	7.425.600
Nợ TK 627:	4.488.000
Nợ TK 641:	1.320.000
Nợ TK 642:	9.015.840
Nợ TK 334:	9.734.130
Có TK 338:	31.983.570

Căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 2078485 (biểu 2.14), Phiếu chi số 18 (biểu 2.15) và các nghiệp vụ kinh tế phát sinh hàng ngày, kế toán ghi vào sổ nhật ký chung như biểu 2.17

BIỂU SỐ 2.17: Trích Sổ nhật ký chung

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG
HÀ THỊNH PHÁT**

Đ/c: Số 2 Lô 2, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, TP. HP

Mẫu số S03a-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**Trích Sổ nhật ký chung
Năm 2014**

Đơn vị tính: Đồng

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	Ngày, tháng			Nợ	Có
					
05/12/ 2014	PC 18	05/12/ 2014	Thanh toán tiền điện thoại cố định văn phòng tháng 11	642	206.628	
				133	20.663	
				111		227.291
					
31/12/ 2014	BPB KH.T 12	31/12/ 2014	Khấu hao tài sản cố định tháng 12/2014	641	31.150.470	
				642	6.666.667	
				214		37.817.137
31/12/ 2014	BPB L.T12	31/12/ 2014	a)Hạch toán lương phải trả cán bộ công nhân viên tháng 12/2014	622	30.940.000	
				627	18.700.000	
				641	5.500.000	
				642	37.566.000	
				334		92.706.000
			b)Các khoản trích theo lương	622	7.425.600	
				627	4.488.000	
				641	1.320.000	
				642	9.015.840	
				334	9.734.130	
				338		31.983.570
					
			Cộng cuối quý 4		22.869.945.569	22.869.945.569
			Cộng cuối năm		87.149.808.166	87.149.808.166

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu
(ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng HàThịnh Phát)

Căn cứ vào Nhật ký chung (biểu 2.17) kế toán ghi vào sổ cái TK 641, TK 642 như biểu 2.18 và biểu 2.19

BIỂU SỐ 2.18: Sổ cái TK 641

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG HÀ THỊNH PHÁT

Đ/c: Số 2 Lô 2, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, TP. HP

Trích Sổ cái

Năm 2014

Tên tài khoản: Chi phí bán hàng

Số hiệu: 641

Đơn vị tính: Đồng

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
			Số phát sinh năm			
					
31/12/2014	BPBKH. T12	31/12/2014	Khấu hao tài sản cố định tháng 11/2014	214	31.150.470	
31/12/2014	BPBL.T 12	31/12/2014	a)HT lương phải trả cán bộ công nhân viên tháng 12/2014	334	5.500.000	
			b)Các khoản trích theo lương	338	1.320.000	
					
31/12/2014	PKT 39	31/12/2014	Kết chuyển chi phí bán hàng	911		69.970.470
			Cộng phát sinh quý 4		69.970.470	69.970.470
			Cộng lũy kế từ đầu năm		252.881.880	252.881.880
			Số dư cuối năm		<u> </u>	<u> </u>

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu
(ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng HàThịnh Phát)

BIỂU SỐ 2.19:Sổ cái TK 642

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG HÀ THỊNH PHÁT

Đ/c: Số 2 Lô 2, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, TP. HP

Trích Sổ cái

Năm 2014

Tên tài khoản: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Số hiệu: 642

Đơn vị tính: Đồng

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
			Số phát sinh năm			
					
05/12/2014	PC 18	05/12/2014	Thanh toán tiền điện thoại cố định văn phòng tháng 11	111	206.628	
31/12/2014	BPBKH. T12	31/12/2014	Khấu hao tài sản cố định tháng 12/2014	214	6.666.667	
31/12/2014	BPBL.T 12	31/12/2014	a)HT lương phải trả cán bộ công nhân viên tháng 12/2014	334	37.566.000	
			b)Các khoản trích theo lương	338	9.015.840	
					
31/12/2014	PKT 39	31/12/2014	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911		93.051.143
			Cộng phát sinh quý 4		93.051.143	93.051.143
			Cộng lũy kể từ đầu năm		418.730.144	418.730.144
			Số dư cuối năm		<u>X</u>	<u>X</u>

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu
(ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Nguồn trích: Phòng kế toán Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Hà Thịnh Phát)

2.2.2. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Hà Thịnh Phát

2.2.2.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

- **Chứng từ sử dụng:**
 - Phiếu thu
 - Giấy báo Có
 - Các chứng từ khác có liên quan
- **Tài khoản sử dụng:**
 - TK 515 : Doanh thu hoạt động tài chính
- **Sổ sách sử dụng:**
 - Sổ nhật ký chung
 - Sổ cái TK 515
- **Nội dung hạch toán:**

VD 10:

Ngày 31/12/2014, Công ty nhận được Giấy báo Có của Ngân hàng BIDV về lãi tiền gửi tháng 12, số tiền là 264.003 đồng.

Kế toán định khoản:

Nợ TK 112:	264.003
Có TK 515:	264.003

BIỂU SỐ 2.20: Giấy báo có số 112

NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM (BIDV)		GIẤY BÁO CÓ		Số: 112 Ngày: 31/12/2014
SỐ TÀI KHOẢN: 321-10-00-074046-6 TÊN TÀI KHOẢN: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG HÀ THỊNH PHÁT				
Kính gửi: Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Hà Thịnh Phát Nhà số 2 lô 2, 97 Bạch Đằng, Hạ Lý, Hồng Bàng, TP. HP		Ngân hàng chúng tôi xin trân trọng thông báo: Tài khoản của quý khách đã được ghi Có với nội dung sau: Nhận tiền lãi từ ngân hàng		
Ngày hiệu lực 31/12/2014	Số tiền 264.003	Loại tiền VND	Diễn giải Lãi nhập gốc	
Giao dịch viên (Ký, họ tên)		Kiểm soát viên (Ký họ, tên)		

(Nguồn trích: Phòng kế toán Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Hà Thịnh Phát)

Căn cứ vào giấy báo có số 112 (biểu 2.20) kế toán ghi vào Sổ nhật ký chung như biểu số 2.21

BIỂU SỐ 2.21: Trích sổ nhật ký chung

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG
HÀ THỊNH PHÁT**
Đ/c: Số 2 Lô 2, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, TP. HP

Mẫu số S03a-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**Trích Sổ nhật ký chung
Năm 2014**

Đơn vị tính: Đồng

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	Ngày, tháng			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang			
					
31/12/2014	GBC 112	31/12/2014	Công ty nhận được giấy báo có của ngân hàng BIDV về lãi tiền gửi	112	264.003	
				515		264.003
					
			Cộng cuối quý 4		22.869.945.569	22.869.945.569
			Cộng cuối năm		87.149.808.166	87.149.808.166

Người lập biểu
(ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Giám đốc
(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Nguồn trích: Phòng kế toán Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Hà Thịnh Phát)

Căn cứ vào sổ Nhật ký chung (biểu 2.21) kế toán ghi vào sổ cái TK 515 như biểu 2.22

BIỂU SỐ 2.22: Sổ cái TK 515

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG HÀ THỊNH PHÁT

Đ/c: Số 2 Lô 2, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, TP. HP

Trích Sổ cái

Năm 2014

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu: 515

Đơn vị tính: Đồng

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
			Số phát sinh năm			
					
31/12/2014	GBC 112	31/12/2014	Công ty nhận được giấy báo có của ngân hàng BIDV về lãi tiền gửi	112		264.003
31/12/2014	PKT 38	31/12/2014	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	911	482.819	
			Cộng phát sinh quý 4		482.819	482.819
			Cộng lũy kể từ đầu năm		2.172.689	2.172.689
			Số dư cuối năm		<u> </u>	<u> </u>

Người lập biểu
(ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Giám đốc
(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Nguồn trích: Phòng kế toán Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Hà Thịnh Phát)

2.2.3. Tổng hợp thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Hà Thịnh Phát

Tại công ty, kết quả kinh doanh là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động tài chính và các hoạt động khác sau một thời kỳ nhất định (một năm) biểu hiện bằng lãi hay lỗ.

Để xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kế toán phải thực hiện các bút toán kết chuyển:

- Kết chuyển doanh bán hàng và cung cấp dịch vụ
- Kết chuyển giá vốn hàng bán
- Kết chuyển chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính
- **Chứng từ sử dụng:**
 - Phiếu kế toán
- **Tài khoản sử dụng:**
 - TK 911: Xác định kết quả kinh doanh
 - TK 821: Chi phí thuế TNDN
 - TK 421: Lợi nhuận chưa phân phối
- **Sổ sách sử dụng:**
 - Sổ nhật ký chung
 - Sổ cái: TK 911, TK 421, TK 821

Cuối quý, căn cứ vào số liệu trên dòng cộng của sổ cái TK 511, 515, kế toán tìm số cần kết chuyển, sau đó tiến hành lập phiếu kế toán số 38, như biểu 2.32

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG HÀ THỊNH PHÁT				Số:38
<i>Đ/c: Số 2 Lô 2, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, TP.HP</i>				
PHIẾU KẾ TOÁN				
<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>				
STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511	911	2.085.000.000
2	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	482.819
	Cộng			2.085.482.819
Kế toán trưởng <i>(Ký, họ tên)</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i> Người lập phiếu <i>(Ký, họ tên)</i>		

BIỂU SỐ 2.23:Phiếu kế toán số 38

Cuối quý, căn cứ vào số liệu trên dòng cộng của sổ cái TK 632, 641, 642, kế toán tìm số cần kết chuyển, sau đó tiến hành lập phiếu kế toán số 39, như biểu 2.24

BIỂU SỐ 2.24:Phiếu kế toán số 39

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG HÀ THỊNH PHÁT				Số:39
<i>Đ/c: Số 2 Lô 2, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, TP.HP</i>				
PHIẾU KẾ TOÁN				
<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>				
STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	1.584.750.441
2	Kết chuyển chi phí bán hàng	911	641	69.970.470
3	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	911	642	93.051.143
	Cộng			1.747.772.054
Kế toán trưởng <i>(Ký, họ tên)</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i> Người lập phiếu <i>(Ký, họ tên)</i>		

(Nguồn trích: Phòng kế toán Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Hà Thịnh Phát)

Căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh ở phiếu kế toán số 38 và 39, kế toán lập phiếu kế toán số 40 như biểu 2.25

BIỂU SỐ 2.25:Phiếu kế toán số 40

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG HÀ THỊNH PHÁT <i>Đ/c: Số 2 Lô 2, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, TP.HP</i>				Số:40
PHIẾU KẾ TOÁN <i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>				
STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Xác định chi phí thuế TNDN	821	3334	67.542.153
	Cộng			67.542.153
Kế toán trưởng <i>(Ký, họ tên)</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i> Người lập phiếu <i>(Ký, họ tên)</i>		

BIỂU SỐ 2.26:Phiếu kế toán số 41

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG HÀ THỊNH PHÁT <i>Đ/c: Số 2 Lô 2, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, TP.HP</i>				Số:41
PHIẾU KẾ TOÁN <i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>				
STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	821	67.542.153
	Cộng			67.542.153
Kế toán trưởng <i>(Ký, họ tên)</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i> Người lập phiếu <i>(Ký, họ tên)</i>		

(Nguồn trích: Phòng kế toán Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Hà Thịnh Phát)

BIỂU SỐ 2.27: Phiếu kế toán số 42

<p>CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG HÀ THỊNH PHÁT <i>Đ/c: Số 2 Lô 2, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, TP.HP</i></p>				Số:42
<p>PHIẾU KẾ TOÁN <i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i></p>				
STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế TNDN	911	421	270.168.612
	Cộng			270.168.612
<p>Kế toán trưởng <i>(Ký, họ tên)</i></p>		<p><i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i> Người lập phiếu <i>(Ký, họ tên)</i></p>		

(Nguồn: Phòng Kế toán công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Hà Thịnh Phát)

Căn cứ vào phiếu kế toán số 38,39,40,41,42 kế toán ghi vào Sổ nhật ký chung như biểu số 2.28:

BIỂU SỐ 2.28: Trích Sổ nhật ký chung

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG HÀ THỊNH PHÁT

Đ/c: Số 2 Lô 2, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, TP. HP

Mẫu số S03a-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

Trích Sổ nhật ký chung

Năm 2014

Đơn vị tính: Đồng

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	ngày tháng			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang			
					
31/12/2014	PKT 38	31/12/2014	Kết chuyển doanh thu BH và CCDV, doanh thu hoạt động tài chính	511	2.085.000.000	
				515	482.819	
				911		2.085.482.819
31/12/2014	PKT 39	31/12/2014	Kết chuyển giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.	911	1.747.772.054	
				632		1.584.750.441
				641		69.970.470
				642		93.051.143
31/12/2014	PKT 40	31/12/2014	Xác định chi phí thuế TNDN	821	67.542.153	
				3334		67.542.153
31/12/2014	PKT 41	31/12/2014	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	67.542.153	
				821		67.542.153
31/12/2014	PKT 42	31/12/2014	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế TNDN	911	270.168.612	
				421		270.168.612
			Cộng cuối quý 4		22.869.945.569	22.869.945.569
			Cộng cuối năm		87.149.808.166	87.149.808.166

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu
(ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Nguồn trích: Phòng kế toán Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Hà Thịnh Phát)

Căn cứ vào Sổ nhật ký chung, kế toán ghi vào Sổ cái TK 911 như biểu 2.29

BIỂU SỐ 2.29:Sổ cái TK 911

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG HÀ THỊNH PHÁT

Đ/c: Số 2 Lô 2, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, TP. HP

Trích Sổ cái

Năm 2014

Tên tài khoản: Xác định kết quả hoạt động kinh doanh

Số hiệu: 911

Đơn vị tính: Đồng

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
			Số phát sinh năm			
					
31/12/2014	PKT 38	31/12/2014	Kết chuyển doanh thu BH và CCDV, doanh thu hoạt động tài chính.	511		2.085.000.000
				515		482.819
31/12/2014	PKT 39	31/12/2014	Kết chuyển giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp	632	1.584.750.441	
				641	69.970.470	
				642	93.051.143	
31/12/2014	PKT 41	31/12/2014	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	821	67.542.153	
31/12/2014	PKT 42	31/12/2014	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế TNDN	421	270.168.612	
			Cộng phát sinh quý 4		2.085.482.819	2.085.482.819
			Cộng lũy kế từ đầu năm		8.342.172.689	8.342.172.689
			Số dư cuối năm		<u> </u>	<u> </u>

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu
(ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Nguồn trích: Phòng kế toán Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Hà Thịnh Phát)

Căn cứ vào Sổ nhật ký chung (biểu 2.29), kế toán ghi vào Sổ cái TK 821 như biểu 2.30

BIỂU SỐ 2.30:Sổ cái TK 821

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG HÀ THỊNH PHÁT

Đ/c: Số 2 Lô 2, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, TP. HP

Trích Sổ cái

Năm 2014

Tên tài khoản: Chi phí thuế TNDN

Số hiệu: 821

Đơn vị tính: Đồng

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
			Số phát sinh năm			
					
31/12/2014	PKT 40	31/12/2014	Xác định chi phí thuế TNDN quý 4	3334	67.542.153	
31/12/2014	PKT 41	31/12/2014	Kết chuyển chi phí thuế TNDN quý 4	911		67.542.153
			Cộng phát sinh quý 4		67.542.153	67.542.153
			Cộng lũy kế từ đầu năm		238.635.554	238.635.554
			Số dư cuối năm		<u>x</u>	<u>x</u>

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu
(ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Nguồn trích: Phòng kế toán Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Hà Thịnh Phát)

Căn cứ vào Sổ nhật ký chung, kế toán ghi vào Sổ cái TK 421 như biểu 2.31

BIỂU SỐ 2.31: Sổ cái TK 421

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG HÀ THỊNH PHÁT

Đ/c: Số 2 Lô 2, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, TP. HP

Trích Sổ cái

Năm 2014

Tên tài khoản: Lợi nhuận chưa phân phối

Số hiệu: 421

Đơn vị tính: Đồng

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			-
					
31/12/2014	PKT 42	31/12/2014	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế TNDN	911		270.168.612
			Cộng phát sinh quý 4 Cộng lũy kể từ đầu năm			270.168.612 954.542.216
			Số dư cuối năm			<u>954.542.216</u>

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu
(ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Nguồn trích: Phòng kế toán Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Hà Thịnh Phát)

Căn cứ vào các số cái TK 511 (biểu 2.6), TK 632 (biểu 2.12), TK 641 (biểu 2.18), TK642 (biểu 2.19), TK 515 (biểu 2.22), TK 911 (biểu 2.29), TK 821 (biểu 2.30), TK 421 (biểu 2.31) kế toán lập bảng Cân đối Số phát sinh như biểu 2.32.

BIỂU SỐ 2.32: Bảng cân đối số phát sinh

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG HÀ THỊNH PHÁT				MẪU SỐ S06-DN			
Số 2 Lô 2, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, TP. HP				(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)			
BẢNG CÂN ĐỐI SỐ PHÁT SINH							
Năm 2014							
<i>Đơn vị tính: đồng</i>							
Số hiệu TK	Tên TK	Số dư đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số dư cuối năm	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	1	2	3	4	5	6
.....						
421	Lợi nhuận chưa phân phối		798.389.561		954.542.216		1.752.931.777
.....						
511	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ			8.340.000.000	8.340.000.000		
515	Doanh thu hoạt động tài chính			2.172.689	2.172.689		
....						
632	Giá vốn hàng bán			6.477.382.895	6.477.382.895		
641	Chi phí bán hàng			252.881.880	252.881.880		
642	Chi phí quản lý doanh nghiệp			418.730.144	418.730.144		
821	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp			238.635.554	238.635.554		
911	Xác định kết quả hoạt động kinh doanh			8.342.172.689	8.342.172.689		
	Tổng cộng	4.229.450.476	4.229.450.476	87.149.808.166	87.149.808.166	13.576.368.400	13.576.368.400
Người lập biểu <i>(Ký, họ tên)</i>				Kế toán trưởng <i>(Ký, họ tên)</i>			
<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>							

(Nguồn trích: Phòng kế toán Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Hà Thịnh Phát)

Căn cứ vào bảng Cân đối số phát sinh (biểu 2.32) kế toán lập bảng Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như biểu 2.33.

BIỂU SỐ 2.33: Bảng Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG HÀ THỊNH PHÁT Số 2 Lô 2, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, TP. HP		Mẫu số B02-DN (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH Năm 2014		
<i>Đơn vị tính: đồng</i>		
Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	8.340.000.000
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	8.340.000.000
4. Giá vốn hàng bán	11	6.477.382.895
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 -11)	20	1.862.617.105
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	2.172.689
7. Chi phí tài chính	22	0
<i>-Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23	
8. Chi phí bán hàng	24	252.881.880
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	418.730.144
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh { 30 = 20 + (21-22) - (24+25) }	30	1.193.177.770
11. Thu nhập khác	31	0
12. Chi phí khác	32	0
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	0
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	1.193.177.770
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	238.635.554
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 =50-51-52)	60	954.542.216
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	-
Người lập biểu <i>(Ký, họ tên)</i>	Kế toán trưởng <i>(Ký, họ tên)</i>	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 Giám đốc <i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i>

(Nguồn trích: Phòng kế toán Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Hà Thịnh Phát)

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG HÀ THỊNH PHÁT

3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh nói riêng tại Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Hà Thịnh Phát

3.1.1. Ưu điểm

- **Về cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý kinh doanh:**

Công ty đã tổ chức bộ máy gọn nhẹ, hợp lý, phù hợp với nhiệm vụ kinh doanh của mình. Các phòng ban hoạt động hiệu quả, cung cấp thông tin kịp thời nhanh chóng.

- **Về tổ chức bộ máy kế toán:**

- Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung phù hợp với yêu cầu quản lý của Công ty.

- Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức khoa học, thống nhất từ kế toán trưởng xuống các nhân viên kế toán. Khối lượng công việc được giao cho từng nhân viên rõ ràng, hợp lý, phù hợp với trình độ chuyên môn từng người. Phòng kế toán có quy chế làm việc rõ ràng, mỗi kế toán đều có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm thực tế cùng với tinh thần tận tâm, nhiệt tình với công việc.

- **Về việc tổ chức hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách kế toán**

- Các chứng từ sử dụng cho việc hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, đúng với mẫu do Bộ tài chính quy định.

- Quy trình luân chuyển chứng từ khá nhanh chóng, kịp thời. Hệ thống tài khoản kế toán sử dụng tương đối đầy đủ, có sử dụng tài khoản chi tiết.

- Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung, ưu điểm của hình thức này là khá đơn giản, ngoài ra nó còn là hình thức phù hợp nhất và được sử dụng nhiều trong các phần mềm kế toán trên máy tính.

- **Về việc tổ chức kế toán Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty.**

Công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty nhìn chung đã đúng theo chế độ kế toán ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính và các chuẩn mực kế toán liên quan như chuẩn mực kế toán số 14 về doanh thu và thu nhập khác, chuẩn mực số 17 về thuế thu nhập doanh nghiệp...

3.1.2. Hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, trong quá trình tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Hà Thịnh Phát vẫn còn có những hạn chế nhất định:

- **Chưa áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán.**

Khách hàng luôn muốn tiêu dùng những sản phẩm tốt trên thị trường và được hưởng nhiều ưu đãi. Chính vì vậy, việc không áp dụng những chính sách về chiết khấu thanh toán cho những khách hàng thanh toán sớm so với thời gian ghi trong hợp đồng sẽ không khuyến khích được khách hàng thanh toán trước hạn. Điều này làm chậm khả năng thu hồi vốn của công ty và số lượng khách hàng cũng bị giảm đi phần nào.

- **Chưa ứng dụng khoa học công nghệ trong tổ chức kế toán.**

Công ty TNHH thương mại Trương Nhài đã áp dụng máy vi tính vào công tác hạch toán kế toán. Tuy nhiên, hệ thống sổ và trình tự ghi sổ của công ty chưa được thực hiện trên một phần mềm kế toán nào, mới chỉ xây dựng được một số phần hành trên Excel, Word và việc ghi chép còn thủ công. Trong khi đó hoạt động kinh doanh của công ty ngày càng mở rộng, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh ngày càng nhiều, kế toán phải đảm nhiệm một khối lượng lớn công việc. Ngày nay khoa học công nghệ phát triển nhanh chóng áp dụng cho hầu hết mọi hoạt động sản xuất kinh doanh. Vì vậy việc áp dụng công nghệ máy tính vào công tác tổ chức quản lý nhằm đem lại hiệu quả cao nhất.

3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh

Ngày nay, nền kinh tế thị trường mở ra cho doanh nghiệp rất nhiều cơ hội nhưng không kém phần thách thức, nhất là vào thời kỳ kinh tế hiện nay. Nếu doanh nghiệp nào biết khắc phục những hạn chế, khó khăn thì sẽ tạo đà cho

doanh nghiệp vững bước tiến lên. Để hòa nhập với nền kinh tế thế giới, trong những năm gần đây, nước ta đã không ngừng hoàn thiện chế độ, chuẩn mực kế toán nhằm giảm bớt sự khác biệt giữa kế toán Việt Nam và kế toán thế giới, tạo ra các cơ hội cho các doanh nghiệp hội nhập và phát triển.

Hiện nay, tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Hà Thịnh Phát chưa được hoàn thiện gây khó khăn cho công tác quản lý do thông tin về doanh thu, chi phí chưa được đầy đủ, chi tiết, chính xác. Vì vậy, tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh được hoàn thiện sẽ giúp cung cấp số liệu doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh chính xác, có độ tin cậy cao, đúng với chế độ chính sách hiện hành. Từ đó, giúp kế toán lập các báo cáo tài chính nói chung và kết quả hoạt động kinh doanh nói riêng một cách trung thực, hợp lý đồng thời giúp nhà quản trị nhận định được tình hình sản xuất kinh doanh của công ty tốt hay xấu, có đạt được kết quả mong muốn hay không, tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách nhà nước như thế nào và có thể đưa ra các biện pháp nhằm thúc đẩy việc tiêu thụ sản phẩm, tiết kiệm chi phí hạ giá thành sản phẩm, tăng lợi nhuận.

3.3. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Hà Thịnh Phát.

Trong giai đoạn mở cửa hội nhập kinh tế với các nước trong khu vực và trên thế giới, trong sự cạnh tranh như vũ bão của các doanh nghiệp trong cơ chế thị trường nhiều biến động như hiện nay, muốn tồn tại và phát triển thì mỗi doanh nghiệp phải có định hướng riêng, mang tính độc đáo thì mới có thể phát triển được. Trước tiên, công ty phải không ngừng hoàn thiện và đổi mới công tác kế toán sao cho phù hợp với yêu cầu quản lý và đặc điểm kinh doanh của mình, có như thế thì kế toán mới trở thành một công cụ kinh tế tài chính của doanh nghiệp. Muốn vậy, hoàn thiện công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng là một vấn đề hết sức quan trọng hiện nay.

Việc hoàn thiện tổ chức kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng cần dựa trên những yêu cầu sau:

- Đảm bảo sự phù hợp giữa tổ chức kinh doanh và tổ chức quản lý của doanh nghiệp với chế độ kế toán chung.
- Đảm bảo sự thống nhất giữa chế độ kế toán do Bộ tài chính ban hành với chế độ kế toán đặc thù ngành sản xuất kinh doanh.
- Đảm bảo sự tiết kiệm hiệu quả trong việc tổ chức công tác kế toán ở doanh nghiệp.
- Đảm bảo thực hiện tốt chức năng thông tin cho nhà quản trị vì mục tiêu của việc hoàn thiện công tác kế toán là cung cấp thông tin kịp thời chính xác để nhà quản trị đưa ra quyết định đúng đắn.

Bên cạnh đó, công ty cần tiếp tục phát huy những ưu điểm hiện có và tìm ra các biện pháp khắc phục những hạn chế còn tồn tại nhằm đảm bảo hạch toán theo đúng chế độ nhà nước quy định cũng như đáp ứng được những yêu cầu về quản lý hạch toán về doanh nghiệp.

3.4. Nội dung và giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Hà Thịnh Phát

Căn cứ vào những nghiên cứu thực tiễn về tình hình hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Hà Thịnh Phát, đồng thời trên cơ sở, yêu cầu, nguyên tắc hoàn thiện tổ chức kế toán em xin đưa ra một số kiến nghị hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh như sau:

3.4.1. Kiến nghị 1: Về việc áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán

CKTT: là số tiền giảm trừ cho người mua do người mua thanh toán tiền hàng trước thời hạn quy định trong hợp đồng hoặc trong cam kết.

- Số tiền chiết khấu này được hạch toán vào TK 635: Chi phí hoạt động tài chính
- Để xác định mức chiết khấu thanh toán có thể dựa trên các yếu tố:
 - + Tỷ lệ lãi suất ngân hàng
 - + Thời gian thanh toán tiền hàng
 - + Dựa vào mức CKTT của doanh nghiệp cùng loại...

Hiện nay, với đặc điểm sản xuất kinh doanh thì công ty có thể lựa chọn 2 yếu tố là thời gian thanh toán tiền hàng và lãi suất của ngân hàng để làm căn cứ để xác định tỷ lệ chiết khấu thanh toán.

+ Nếu khách hàng thanh toán trước 15 ngày so với thời gian ghi trong hợp đồng, khách hàng sẽ được hưởng CKTT bằng đúng lãi suất ngân hàng là 0,5% trên tổng giá đã thanh toán.

+ Nếu khách hàng thanh toán trong khoảng thời gian từ ngày thứ 16 đến ngày thứ 30, mức CKTT là 1,5% trên tổng giá đã thanh toán.

+ Hết hạn thanh toán khách hàng sẽ không được hưởng chiết khấu.

BIỂU SỐ 3.1: Tỷ lệ chiết khấu thanh toán được áp dụng

Số ngày thanh toán sớm	16-30 ngày (%/năm)	1-15 ngày (%/năm)
Tỷ lệ chiết khấu được hưởng	1,5	0,5

Phương pháp hạch toán:

Khi áp dụng chiết khấu thanh toán cho khách hàng:

Nợ TK 635: Số tiền chiết khấu cho khách hàng

Có TK 131,111,112: Tổng số tiền trả lại hoặc giảm nợ cho khách hàng
Cuối kỳ kết chuyển chiết khấu thanh toán sang TK 911:

Nợ TK 911: Kết chuyển chiết khấu thanh toán

Có TK 635: Chiết khấu thanh toán

Ví dụ:

Ngày 16/10/2014 Công ty TNHH Donguk Vina chuyển khoản thanh toán tiền hàng theo HĐ 0000022, trong hợp đồng kinh tế số:

140814/DGK – HTP ghi ngày thanh toán là 31/10/2014. Vì vậy công ty TNHH Donguk Vina được hưởng một khoản chiết khấu thanh toán là 0,5% trên tổng giá trị thanh toán ban đầu (thanh toán trước 15 ngày so với thời gian ghi trong hợp đồng). Tổng giá công trình theo HĐ 0000022 là 100.000.000 đồng.

Định khoản:

1, Nợ 112 : 100.000.000

Có 131 : 100.000.000

2, Nợ 635 : 500.000

Có 131 : 500.000

Cuối kỳ, kết chuyển chi phí tài chính sang TK 911.

3.4.2. Kiến nghị 2: Về việc ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác kế toán

Hiện nay, để hỗ trợ các Doanh nghiệp hạch toán kế toán một cách nhanh chóng và hiệu quả hơn, các nhà cung cấp phần mềm đã xây dựng nên nhiều phần mềm kế toán đa dạng, với nhiều mức giá cả hợp lý để phù hợp với từng doanh nghiệp.

Một số loại phần mềm phổ biến và thông dụng nhất hiện nay đó là: FAST, MISA, VACOM...

So sánh ưu, nhược điểm của ba phần mềm kể trên:

❖ Phần mềm kế toán FAST



Hình 3.1: Phần mềm kế toán FAST

- Ưu điểm:

+ Giao diện dễ sử dụng, sổ sách chứng từ kế toán cập nhật và bám sát chế độ kế toán hiện hành. Fast có một hệ thống báo cáo đa dạng, người dùng có thể yên tâm về yêu cầu quản lý của mình (Báo cáo quản trị và báo cáo tài chính).

+ Tốc độ xử lý rất nhanh. Cho phép kết xuất báo cáo ra Excel với mẫu biểu sắp xếp đẹp.

+ Sử dụng làm việc mọi lúc, mọi nơi trên mọi thiết bị. Không cần cài đặt phần mềm trên máy chủ hay các phần mềm hỗ trợ khác. Dễ dàng truy xuất thông tin, đảm bảo tính chính xác.

- Nhược điểm: Trong thao tác thường xảy ra lỗi nhỏ (không đáng kể). Dung lượng lớn, người dùng khó phân biệt được data.

❖ Phần mềm kế toán MISA



Hình 3.2: Phần mềm kế toán MISA

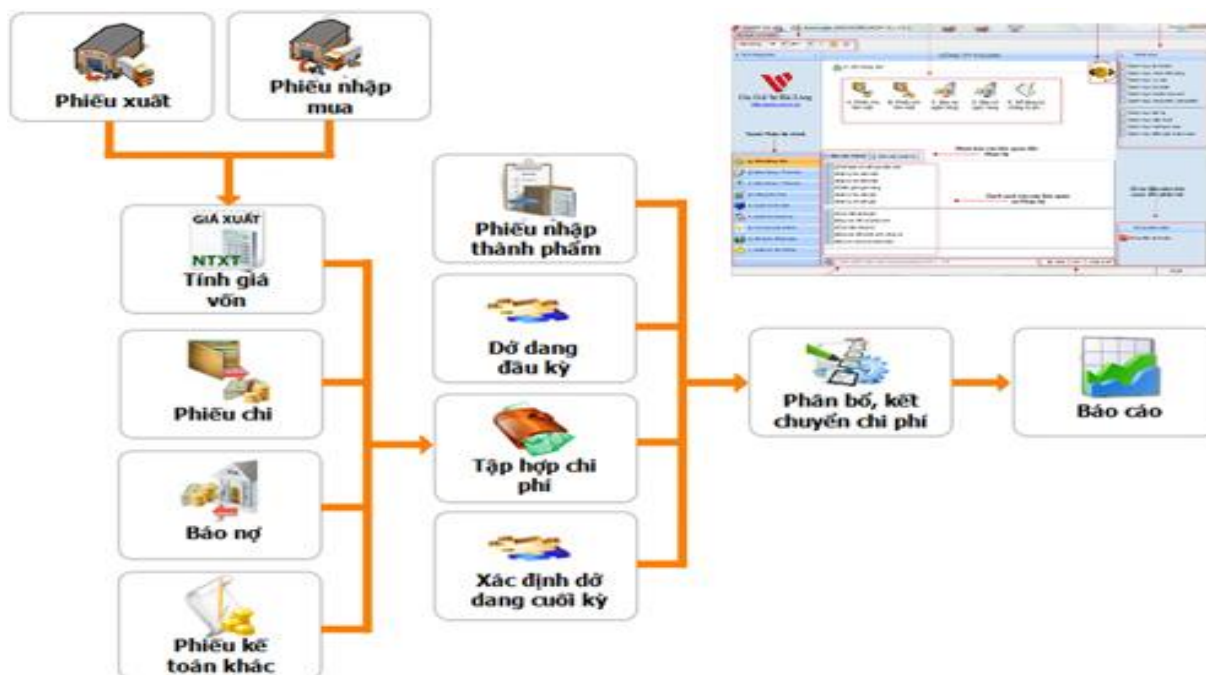
- Ưu điểm:

Các dòng sản phẩm của MISA đều là các phần mềm đóng gói, mang tính phổ biến, phù hợp với các doanh nghiệp có quy mô nhỏ, không cần báo cáo kiểu quản trị nhiều. Phần mềm Misa đơn giản, dễ học, dễ sử dụng, hình ảnh giao diện thân thiện.

- Nhược điểm:

Nhược điểm khá lớn là Misa được phát triển với mục đích sử dụng cho doanh nghiệp vừa và nhỏ mang tính đơn giản, dễ hiểu, nhỏ gọn cho nên một số yêu cầu nhỏ đặc thù của doanh nghiệp sẽ không đáp ứng được. Mặt khác, Misa là phần mềm kế toán đóng gói nên sẽ không tùy chỉnh theo người dùng, riêng phần mềm Fast có thể làm được điều này.

❖ Phần mềm kế toán VACOM



Hình 3.3: Phần mềm kế toán VACOM

- Ưu điểm:

+ Giao diện trực quan dễ sử dụng, hệ thống báo cáo đa dạng, làm tới đâu xem báo cáo tới đó, chỉnh sửa trực tiếp trên bất kỳ báo cáo nào nhờ hệ thống truy xuất ngược, tùy chọn báo cáo theo báo cáo quản trị và báo cáo tài chính.

+ Chỉ cần biết nghiệp vụ là làm được phần mềm kế toán Vacom, nhờ các phím hướng dẫn trực quan, 100% báo cáo được kết xuất ra Excel, pdf nguyên mẫu.

+ Hỗ trợ mọi lúc, mọi nơi cho người sử dụng, có số Hotline riêng phục vụ ngoài giờ hành chính.

- Nhược điểm:

+ Vẫn xảy ra lỗi trong quá trình sử dụng, và khi customize theo đặc thù.

3.4.3. Kiến nghị 3: Về sổ chi tiết phục vụ hạch toán doanh thu – chi phí và phân bổ chi phí để xác định kết quả kinh doanh chi tiết

Công ty nên mở sổ chi phí sản xuất kinh doanh cho TK 632 như biểu 3.1, sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc theo dõi giá vốn tương ứng cho từng công trình làm căn cứ cho việc xác định lợi nhuận gộp của từng mặt hàng.

BIỂU SỐ 3.1: Mẫu sổ chi phí sản xuất kinh doanh

Đơn vị:
Địa chỉ:

Mẫu số S36-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH
(Dùng cho các TK 154, 631, 642, 142, 242, 632)

Tài khoản:.....

Tên phân xưởng:.....

Tên sản phẩm, dịch vụ:.....

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Ghi Nợ tài khoản...				
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	Chia ra			
					
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
			Số dư đầu kỳ						
			Số phát sinh trong kỳ						
								
			Ghi Có TK						
			Cộng SPS trong kỳ						
			Số dư cuối kỳ						

- Sổ này có....trang, đánh số từ trang 01 đến trang...

Ngày ... tháng ... năm.

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

3.5. Điều kiện để thực hiện các giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Hà Thịnh Phát

Để hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Hà Thịnh Phát thì các phương hướng và biện pháp đưa ra phải đảm bảo các điều kiện sau:

3.5.1. Về phía nhà nước

Nhà nước luôn tạo điều kiện thuận lợi cũng như tạo môi trường kinh doanh công bằng và lành mạnh cho các doanh nghiệp, cá nhân hoạt động sản xuất kinh doanh theo pháp luật Việt Nam. Ban hành những chính sách phù hợp, kịp thời với sự biến động của nền kinh tế kèm theo những ưu đãi cho các doanh nghiệp, cá nhân có đóng góp to lớn trong sự phát triển của đất nước. Luôn luôn khuyến khích các doanh nghiệp không ngừng cải cách, đổi mới và phát triển toàn diện hơn.

3.5.2. Về phía doanh nghiệp

Đứng trước những thay đổi của nền kinh tế đất nước và chính sách kinh tế mở cửa, doanh nghiệp nên tìm ra các biện pháp kế toán sao cho phù hợp với đặc điểm kinh doanh của doanh nghiệp, cập nhật các chuẩn mực, quy định, thông tư và hướng dẫn mới về kế toán, áp dụng công nghệ thông tin vào công tác kế toán của công ty. Doanh nghiệp phải thường xuyên tổ chức và cử nhân viên kế toán của công ty mình tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ để có thể theo kịp được những thay đổi trong chế độ kế toán nói chung và khuyến khích họ tự học tập, nghiên cứu để hoàn thiện và áp dụng các chính sách mới đó vào doanh nghiệp một cách phù hợp đem lại hiệu quả cao nhất cho công ty, đồng thời đảm bảo đúng nguyên tắc và chế độ kế toán.

KẾT LUẬN

Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là bộ phận quan trọng khi tiến hành hạch toán kế toán. Số liệu chính xác và trung thực từ việc xác định doanh thu, chi phí qua hoạt động kinh doanh sẽ tạo điều kiện cho Ban Giám đốc Công ty đưa ra những quyết định, phương hướng hoạt động của Công ty trong thời gian tới.

Khóa luận của em với đề tài: “Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Hà Thịnh Phát” đã đề cập đến những vấn đề sau:

Về mặt lý luận: Nêu được những lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp.

Về mặt thực tế: Khóa luận đã phản ánh khá đầy đủ về thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Hà Thịnh Phát năm 2014.

Về giải pháp: Đối chiếu với lý luận và tính hình thực tế tại công ty, Khóa luận đã đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Hà Thịnh Phát. Các kiến nghị đều dựa trên cơ sở lý luận, chế độ quy định, tình hình thực tế của công ty nên trong một chừng mực nào đó đều có tính khả thi với doanh nghiệp.

Do thời gian thực tập có hạn, khả năng còn hạn chế, trong khi đề tài thì khá rộng với nhiều vấn đề nên em không thể tránh khỏi những sai sót. Em rất mong nhận được sự góp ý, chỉ bảo của các thầy cô giáo.

Một lần nữa em xin gửi lời cảm ơn chân thành nhất đến Ban Giám đốc, các anh chị trong Phòng kế toán Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Hà Thịnh Phát đã cung cấp số liệu cho bài viết này của em. Đặc biệt, em xin gửi lời cảm ơn sâu sắc nhất đến thầy giáo hướng dẫn ThS. Nguyễn Đức Kiên – người đã trực tiếp chỉ bảo và hướng dẫn em trong suốt quá trình viết bài khóa luận này.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày 02 tháng 07 năm 2015

Sinh viên

Nguyễn Thị Phương Quý

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phó Giáo sư.Tiến sĩ Ngô Thế Chi (1999), *Kế toán tài chính*, NXB Tài chính.
2. Phó tiến sĩ Nguyễn Văn Công (2000), *Lý thuyết và Thực hành Kế toán tài chính*, NXB Tài chính – Hà Nội.
3. Tiến sĩ Phan Đức Dũng (2006), *Kế toán tài chính*, NXB Thống Kê.
4. Tiến sĩ Phan Đức Dũng (2007), *Kế toán Đại cương*, NXB Giao thông – Vận tải.
5. Tiến sĩ Bùi Văn Dương (2007), *Kế toán tài chính*, NXB Thống Kê Hà Nội.
6. Đặng Thị Loan, *Kế toán tài chính doanh nghiệp*, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.
7. Nguyễn Văn Nhiệm (2002), *379 Sơ đồ Hạch toán – Kế toán Doanh nghiệp*, NXB Thống Kê.
8. *Chế độ kế toán doanh nghiệp (quyển 1 và 2)*, NXB Giao thông – Vận tải, thuộc Bộ Tài Chính.
9. *Luận văn tốt nghiệp khóa trước*.
10. Và một số tài liệu sổ sách do Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Hà Thịnh Phát cung cấp.